

ỦY BAN DÂN TỘC

**BẢN
PHÊ DUYỆT**



TÀI LIỆU

CHUYÊN ĐỀ 3

NGHIỆP VỤ ĐẤU THẦU, ĐẤU THẦU CỘNG ĐỒNG

ĐẤU THẦU QUA MẠNG

(Lưu hành nội bộ - Nhóm Cán bộ)

Hà Nội 2024

MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU.....	1
1. Hệ thống văn bản pháp lý về đấu thầu hiện hành	1
2. Các khái niệm sử dụng trong lựa chọn nhà thầu	1
3. Các đối tượng áp dụng	4
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu	4
5. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu.....	6
5.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	6
5.2. Cách ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	6
6. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.....	7
7. Đăng tải, cung cấp thông tin về đấu thầu	8
7.1. Thông tin về dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu.....	8
7.2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT	8
7.3. Hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải.....	10
7.4. Kết quả lựa chọn nhà thầu	10
8. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu.....	10
9. Nguyên tắc xử lý tình huống trong đấu thầu.....	13
II. KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU	14
1. Nguyên tắc, căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.....	14
1.1. Nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.....	14
1.2. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu	14
2. Trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.....	15
2.1. Trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án..	15
2.2. Trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm.....	16
3. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu.....	17
4. Điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, giá gói thầu.....	26
III. QUY TRÌNH TỔ CHỨC ĐẤU THẦU.....	27
1. Trách nhiệm của các bên trong tổ chức đấu thầu.....	27

1.1. Trách nhiệm của người có thẩm quyền.....	27
1.2. Trách nhiệm của chủ đầu tư.....	28
1.3. Trách nhiệm của bên mời thầu.....	29
1.4. Trách nhiệm của tổ chuyên gia.....	30
1.5. Trách nhiệm của tổ thẩm định.....	30
1.6. Trách nhiệm của nhà thầu.....	31
2. Quy trình tổ chức đấu thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp được tổ chức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ (qua mạng).....	31
IV. QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU.....	36
1. Quy trình lựa chọn danh sách ngắn.....	36
1.1. Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu rộng rãi gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hoá, xây lắp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.....	36
1.2. Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hoá, xây lắp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.....	38
1.3. Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu rộng rãi gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.....	38
1.4. Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.....	39
2. Quy trình đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, đấu thầu hạn chế áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.....	39
3. Quy trình chỉ định thầu.....	41
3.1. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chỉ có một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu.....	41
3.2. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu.....	42
3.3. Quy trình chỉ định thầu rút gọn đối với gói thầu trong hạn mức chỉ định thầu theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu.....	44
4. Quy trình mua sắm trực tiếp.....	45
5. Quy trình tự thực hiện.....	50

6. Quy trình lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ tại địa phương	51
V. NGHIỆP VỤ ĐẤU THẦU QUA MẠNG	52
1. Khái niệm về đấu thầu qua mạng và giải thích thuật ngữ liên quan	52
1.1. Khái niệm đấu thầu qua mạng	52
1.2. Giải thích thuật ngữ liên quan.....	53
2. Quy định chung về đấu thầu qua mạng	54
2.1. Áp dụng các Mẫu hồ sơ và Phụ lục kèm theo Thông tư 01/2024/TT-BKHĐT. 54	
2.2. Quy định về định dạng của tệp tin (file) đính kèm.....	57
2.3. Xử lý kỹ thuật trong trường hợp Hệ thống gặp sự cố ngoài khả năng kiểm soát.....	57
2.4. Quản lý tài khoản và sử dụng chứng thư số.....	58
2.5. Các loại chi phí và mức thu	59
3. Quy trình lựa chọn nhà thầu qua mạng.....	60
4. Chào giá trực tuyến.....	62
4.1. Điều kiện áp dụng chào giá trực tuyến.....	62
4.2. Nguyên tắc chào giá trực tuyến.....	63
4.3. Quy trình chào giá trực tuyến thông thường	64
4.4. Quy trình chào giá trực tuyến rút gọn	66
5. Mua sắm trực tuyến	68
5.1. Hình thức mua sắm trực tuyến	68
5.2. Quy trình mua sắm trực tuyến.....	68
5.3. Thông tin hàng hóa, dịch vụ được mua sắm trực tuyến.....	69
6. Trách nhiệm của các bên tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia... 69	
6.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư	69
6.2. Trách nhiệm của bên mời thầu.....	70
6.3. Trách nhiệm của nhà thầu	70
VI. HỢP ĐỒNG.....	70
1. Một số vấn đề chung về hợp đồng	70
1.1. Phân loại hợp đồng.....	70

1.2. Hợp đồng đối với nhà thầu được lựa chọn.....	73
2. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng	74
3. Hồ sơ hợp đồng.....	74
4. Điều kiện ký kết hợp đồng.....	75
5. Sửa đổi hợp đồng.....	75
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng; tạm ứng, thanh toán; bảo hành; nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.....	78
6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	78
6.2. Tạm ứng hợp đồng	79
6.3. Thanh toán hợp đồng.....	80
6.4. Thanh lý hợp đồng	81
VII. BẢO ĐẢM LIÊM CHÍNH TRONG ĐẤU THẦU VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẤU THẦU	82
1. Quản lý nhà nước về hoạt động lựa chọn nhà thầu	82
2. Giải quyết kiến nghị, tranh chấp trong đấu thầu	82
2.1. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu.....	82
2.2. Quyền khởi kiện và yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	87
3. Xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu	88
3.1. Quy định chung xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu	88
3.2. Hình thức cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu	88
4. Hủy, đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu	95
4.1. Hủy thầu	95
4.2. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu	95
5. Thanh tra, kiểm tra và giám sát các hoạt động đấu thầu	96
5.1. Thanh tra hoạt động đấu thầu.....	96
5.2. Kiểm tra hoạt động đấu thầu	96
5.3. Giám sát hoạt động đấu thầu.....	96
TÀI LIỆU THAM KHẢO.	99

LỜI NÓI ĐẦU

Hoạt động đầu tư có vai trò hết sức quan trọng. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng, việc lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho chủ đầu tư có ý nghĩa quyết định đến sự thành công và hiệu quả đạt được của các dự án đầu tư. Để đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư cũng như công tác quản lý của Nhà nước về đầu tư, đòi hỏi quá trình lựa chọn nhà thầu phải hết sức cẩn trọng nhằm ngăn chặn được sự thất thoát, kém hiệu quả. Tài liệu “Nghịệp vụ đấu thầu, Đấu thầu cộng đồng, Đấu thầu qua mạng” được biên soạn nhằm phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu cho cán bộ triển khai thực hiện chương trình ở các cấp.

Tài liệu này gồm 7 nội dung sau:

- I. Tổng quan về lựa chọn nhà thầu.
- II. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
- III. Quy trình tổ chức đấu thầu.
- IV. Quy trình lựa chọn nhà thầu.
- V. Nghiệp vụ đấu thầu qua mạng.
- VI. Hợp đồng.
- VII. Bảo đảm liêm chính trong đấu thầu và xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu.

Nội dung tài liệu được biên soạn dựa trên cơ sở các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực đấu thầu đang còn hiệu lực trong thời gian biên soạn tài liệu, do văn bản pháp quy thường xuyên được chỉnh sửa, bổ sung hoặc thay thế. Vì vậy, tài liệu này chỉ mang tính tham khảo, các chuyên gia, giảng viên ở các cấp tiếp tục cập nhật những văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực đấu thầu cũng như các biểu mẫu mới nhất vào bộ tài liệu để triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

Trân trọng cảm ơn!

ỦY BAN DÂN TỘC

DANH MỤC VIẾT TẮT

BKHĐT	Bộ Kế hoạch và đầu tư
BMT	Bên mời thầu
CĐT	Chủ đầu tư
CHCT	Chào hàng cạnh tranh
CP	Chính phủ
DS	Danh sách
ĐTHC	Đấu thầu hạn chế
ĐTRR	Đấu thầu rộng rãi
HĐ	Hợp đồng
HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSDXKT	Hồ sơ đề xuất kỹ thuật
HSMQT	Hồ sơ mời quan tâm
HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
HSMT	Hồ sơ mời thầu
KHLCN	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu
NĐ	Nghị định
NT	Nhà thầu
TCG	Tổ chuyên gia
TTĐ	Tổ thẩm định

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 3.1. Quy trình đấu thầu rộng rãi - chào hàng cạnh tranh - Đấu thầu hạn chế (1 giai đoạn 1 túi hồ sơ)	45
Hình 3.2. Quy trình chỉ định thầu thông thường cho một nhà thầu	46
Hình 3.3. Quy trình chỉ định thầu thông thường cho nhiều hơn một nhà thầu ...	47
Hình 3.4. Quy trình mua sắm trực tiếp.....	48

I. TỔNG QUAN VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Hệ thống văn bản pháp lý về đấu thầu hiện hành

Ngày 23/6/2023, Quốc hội ban hành Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024 với nhiều điểm mới được sửa đổi, bổ sung so với Luật Đấu thầu năm 2013.

Ngày 27/02/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 24/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Nghị định 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu 2023 về lựa chọn nhà thầu, bao gồm 12 Chương và 134 Điều. Theo đó, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP đã cụ thể hóa các quy định đã được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết như xây dựng cơ chế lựa chọn nhà thầu phù hợp để thúc đẩy doanh nghiệp trong nước phát triển, tạo việc làm cho nhóm lao động yếu thế, khuyến khích hoạt động mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mua sắm xanh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP đã quy định chi tiết về trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, giao quyền cho chủ đầu tư; cắt giảm thời gian và chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu; tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin - đấu thầu qua mạng để nâng cao tính công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế.

Ngày 26/4/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Các khái niệm sử dụng trong lựa chọn nhà thầu

Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu, bao gồm: Chủ đầu tư hoặc tổ chức do chủ đầu tư quyết định thành lập hoặc lựa chọn.

Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn, quản lý quá trình thực hiện dự án; đơn vị sử dụng ngân sách; đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng dự toán mua sắm ngoài ngân sách nhà nước; đơn vị mua sắm tập trung.

Dịch vụ tư vấn là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật,

báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; tư vấn đấu thầu; tư vấn thẩm tra, thẩm định; tư vấn giám sát; tư vấn quản lý dự án; tư vấn thu xếp tài chính; kiểm toán và các dịch vụ tư vấn khác.

Dịch vụ phi tư vấn là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, nghiệm thu chạy thử, chụp ảnh vệ tinh; in ấn; vệ sinh; truyền thông; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và hoạt động dịch vụ khác không phải là dịch vụ tư vấn.

Dự án đầu tư (sau đây gọi là dự án) bao gồm: chương trình, dự án đầu tư xây dựng mới; dự án mua sắm tài sản; dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng; dự án, nhiệm vụ, đề án quy hoạch; hỗ trợ kỹ thuật; các chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật.

Dự toán mua sắm là dự kiến nguồn kinh phí để mua sắm trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác; dự kiến nguồn kinh phí để mua sắm trong phạm vi nguồn tài chính hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Đấu thầu là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết, thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, lựa chọn nhà đầu tư để ký kết, thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.

Đấu thầu qua mạng là việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

Giá đề nghị trúng thầu là giá dự thầu của nhà thầu được đề nghị trúng thầu sau khi đã được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

Giá hợp đồng là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

Gói thầu là một phần hoặc toàn bộ dự án, dự toán mua sắm, có thể gồm những nội dung mua sắm giống nhau thuộc nhiều dự án hoặc là khối lượng mua sắm một lần, khối lượng mua sắm cho một thời kỳ đối với dự toán mua sắm, mua sắm tập trung.

Hàng hóa gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại.

Hồ sơ mời thầu là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, bao gồm các yêu cầu cho một dự án, gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh làm căn cứ để nhà thầu, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu và để bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu.

Hồ sơ yêu cầu là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, đàm phán giá, bao gồm các yêu cầu cho gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất và để bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất.

Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất là toàn bộ tài liệu do nhà thầu, nhà đầu tư lập và nộp cho bên mời thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

Người có thẩm quyền là người quyết định đầu tư hoặc người quyết định việc mua sắm theo quy định của pháp luật. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, người có thẩm quyền là người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

Nhà thầu là tổ chức, cá nhân hoặc kết hợp giữa các tổ chức hoặc giữa các cá nhân với nhau theo hình thức liên danh trên cơ sở thỏa thuận liên danh tham dự thầu, đứng tên dự thầu và trực tiếp ký, thực hiện hợp đồng nếu được lựa chọn. Trường hợp liên danh, thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh đối với toàn bộ phạm vi của gói thầu.

Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc xây lắp; tư vấn; phi tư vấn; dịch vụ liên quan của gói thầu cung cấp hàng hóa; công việc thuộc gói thầu hỗn hợp.

Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất là số ngày được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

Xây lắp gồm những công việc thuộc quá trình xây dựng và lắp đặt công trình, hạng mục công trình.

3. Các đối tượng áp dụng

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu bao gồm:

a. Hoạt động lựa chọn nhà thầu có sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để:

- Thực hiện dự án đầu tư, dự toán mua sắm của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác.

- Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; mua hàng dự trữ quốc gia, thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, trừ hoạt động mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

- Thực hiện các công việc khác phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật có liên quan.

b. Hoạt động lựa chọn nhà thầu để thực hiện:

- Các gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp và doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Gói thầu trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật, máy móc, thiết bị hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước.

c. Tổ chức, cá nhân có hoạt động đấu thầu không thuộc trường hợp quy định nêu trên được tự quyết định chọn áp dụng toàn bộ hoặc các điều, khoản, điểm cụ thể của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023.

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu

Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu được quy định như sau:

(1). Nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:

a) Nhà thầu tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, quản lý dự án, giám sát; nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; nhà thầu tư vấn lập, thẩm định nhiệm vụ khảo sát, thiết kế.

b) Nhà thầu tư vấn đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển.

c) Nhà thầu tư vấn thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả sơ tuyển.

d) Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó hoặc là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.

(2). Nhà thầu tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính tại điểm d mục (1) nêu trên và với các bên sau đây:

a) Các nhà thầu tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát; nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; nhà thầu tư vấn lập, thẩm định nhiệm vụ khảo sát, thiết kế; nhà thầu tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; nhà thầu tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; nhà thầu tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu đó.

b) Các nhà thầu khác cùng tham dự thầu trong một gói thầu đối với đấu thầu hạn chế.

(3). Nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, nhà thầu thực hiện hợp đồng, nhà thầu tư vấn kiểm định gói thầu đó phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhau.

(4). Nhà thầu quy định tại các mục (1), (2) và (3) nêu trên được đánh giá độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu không có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 30% của nhau.

c) Nhà thầu không có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 20% của nhau khi cùng tham dự thầu trong một gói thầu đối với đấu thầu hạn chế.

d) Nhà thầu tham dự thầu với nhà thầu tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc phần vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.

(5). Nhà đầu tư tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:

a) Cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu.

b) Nhà thầu tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời thầu; nhà thầu tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu; nhà thầu tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư cho đến ngày ký kết hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh.

5. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

5.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

- Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam.
- Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với hồ sơ mời thầu.
- Nhà thầu nước ngoài liên danh với nhà thầu trong nước mà nhà thầu trong nước đảm nhận từ 25% trở lên giá trị công việc của gói thầu.
- Nhà thầu trong nước tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với nhà thầu trong nước khác khi tham dự đấu thầu quốc tế.
- Nhà thầu là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật.
- Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên.

5.2. Các ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

- Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.

- Cộng thêm điểm vào điểm đánh giá của nhà thầu thuộc đối tượng được ưu đãi đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá cố định, dựa trên kỹ thuật, kết hợp giữa kỹ thuật và giá để so sánh, xếp hạng.

- Cộng thêm số tiền vào giá dự thầu hoặc vào giá đánh giá của nhà thầu không thuộc đối tượng được ưu đãi đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp giá đánh giá để so sánh, xếp hạng.

- Được ưu tiên trong đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và các tiêu chí khác trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Gói thầu xây lắp có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng được dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ tham dự thầu. Trường hợp đã tổ chức đấu thầu, nếu không có doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ đáp ứng được yêu cầu thì được phép tổ chức đấu thầu lại và cho phép các doanh nghiệp khác được tham dự thầu.

6. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:

+ Thời gian chuẩn bị hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu.

+ Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế tối thiểu là 18 ngày đối với đấu thầu trong nước, 35 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế.

+ Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với chào hàng cạnh tranh tối thiểu là 05 ngày làm việc kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu.

+ Trường hợp gói thầu đủ điều kiện áp dụng hình thức chỉ định thầu nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 09 ngày kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu.

+ Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Việc sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

- Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu được phát hành đồng thời với thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu.

- Đối với các công việc khác ngoài công việc nêu trên, người có thẩm quyền, chủ đầu tư có trách nhiệm quyết định thời gian thực hiện trên cơ sở bảo đảm tiến độ của dự án, gói thầu.

7. Đăng tải, cung cấp thông tin về đấu thầu

7.1. Thông tin về dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu

- Thời gian đăng tải: Thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà thầu được chủ đầu tư đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Thông tin cơ bản về dự án được đăng tải đồng thời với kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Tài liệu đính kèm: Chủ đầu tư phải đính kèm quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong quá trình đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

7.2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT

a. Phát hành:

- Trong quá trình đăng tải thông báo mời thầu, E-TBMT, bên mời thầu phải đính kèm các tài liệu: Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, E-HSMT; hồ sơ mời thầu, E-HSMT đã được phê duyệt.

Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, hồ sơ mời thầu được phát hành trên Hệ thống ngay sau khi đăng tải thành công thông báo mời thầu. Bên mời thầu không được phát hành hồ sơ mời thầu bản giấy cho nhà thầu, trường hợp bên mời thầu phát hành bản giấy cho nhà thầu thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Trường hợp nội dung của hồ sơ mời thầu, E-HSMT được đăng tải trên Hệ thống có sự sai khác với nội dung của hồ sơ mời thầu, E-HSMT được phê duyệt

thì hồ sơ mời thầu, E-HSMT phát hành trên Hệ thống là cơ sở để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu, E-HSDT.

b. Sửa đổi:

- Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu theo một trong hai cách trên Hệ thống: quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu; hoặc quyết định sửa đổi và hồ sơ mời thầu đã được sửa đổi, trong hồ sơ mời thầu đã được sửa đổi phải thể hiện rõ nội dung sửa đổi.

- Đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp sửa đổi E-HSMT sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu trên Hệ thống: quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-HSMT; E-HSMT đã được sửa đổi.

c. Làm rõ:

- Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời thầu, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến bên mời thầu thông qua Hệ thống tối thiểu 03 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), tối thiểu 05 ngày làm việc (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

- Đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến bên mời thầu thông qua Hệ thống tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

- Bên mời thầu tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ của nhà thầu và đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

- Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu, E-HSMT đã được phê duyệt. Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu, E-HSMT thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu, E-HSMT thực hiện theo quy định về sửa đổi nêu trên.

- Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu, E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.

7.3. Hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải

Việc hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải được thực hiện theo tài liệu điện tử được đăng tải trên Hệ thống để hướng dẫn người dùng thực hiện các giao dịch trên Hệ thống.

7.4. Kết quả lựa chọn nhà thầu

a. Thời gian đăng tải:

Chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

b. Tài liệu đính kèm bao gồm:

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
- Báo cáo đánh giá E-HSDT đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng (đăng tải báo cáo đánh giá tổng hợp, không kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia).
- Trường hợp dự toán của gói thầu được duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và trong quá trình phát hành E-HSMT thì bên mời thầu cập nhật dự toán và đính kèm quyết định phê duyệt dự toán trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 05 ngày trước thời điểm đóng thầu.

c. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa phải công khai chi tiết thông tin về các hạng mục hàng hóa trúng thầu bao gồm các nội dung sau: Danh mục hàng hóa; Ký mã hiệu; Nhãn hiệu; Năm sản xuất; Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ); Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản; Đơn vị tính; Khối lượng; Mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa Mã hồ sơ theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã hồ sơ) (nếu có); Đơn giá trúng thầu.

8. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu

8.1. Đối với gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước, tiền bán bản điện tử hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được chủ đầu tư nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đối với các gói thầu không sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì tiền bán bản điện tử hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu là nguồn thu của chủ đầu tư và được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính của chủ đầu tư.

8.2. Chi phí lập, thẩm định các nội dung trong quá trình lựa chọn nhà thầu

a) Trường hợp thuê tư vấn đấu thầu để thực hiện một hoặc một số công việc trong quá trình lựa chọn nhà thầu thì chi phí thuê tư vấn không căn cứ vào chi phí quy định tại các mục 8.3, 8.4, 8.5, 8.6 và 8.7 dưới đây.

b) Trường hợp người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện việc lập, thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì chi phí cho các công việc này được tính trong dự toán chi phí hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại mục 8.3.

c) Trường hợp tổ chuyên gia, tổ thẩm định do chủ đầu tư quyết định thành lập để thực hiện lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thì chi phí cho các công việc này được tính trong dự toán chi phí hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại mục 8.4, 8.5, 8.6 và 8.7 dưới đây.

d) Chi phí quy định tại các mục 8.3, 8.4, 8.5, 8.6 và 8.7 được xác định trong tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc dự toán chi thường xuyên của đơn vị.

đ) Việc quản lý, sử dụng chi phí quy định tại các mục 8.3, 8.4, 8.5, 8.6 và 8.7 thực hiện theo cơ chế tài chính của chủ đầu tư.

8.3. Chi phí lập hoặc thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

Chi phí lập hoặc thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được tính bằng 0,5% chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi nhưng tối thiểu là 5.000.000 đồng và tối đa là 40.000.000 đồng.

8.4. Chi phí lập, thẩm định hồ sơ

a) Chi phí lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng.

b) Chi phí thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,06% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng.

c) Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,2% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng.

d) Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng.

8.5. Chi phí đánh giá hồ sơ

a) Chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng.

b) Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất được tính bằng 0,2% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng.

8.6. Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu kể cả trường hợp không lựa chọn được nhà thầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng.

8.7. Đối với các gói thầu có nội dung tương tự thuộc cùng một dự án, dự toán mua sắm của cùng chủ đầu tư hoặc các gói thầu phải tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu thì các chi phí: lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển; lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính tối đa bằng 50% mức chi phí quy định tại mục 8.4; trường hợp phải tổ chức đấu thầu lại một phần của gói thầu (đối với gói thầu chia phần) thì chi phí được tính tối đa bằng 50% mức chi phí theo giá trị ước tính của phần tổ chức đấu thầu lại.

Trường hợp tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu thì phải tính toán, bổ sung chi phí lựa chọn nhà thầu vào dự án, dự toán mua sắm phù hợp với thực tế của gói thầu. Trường hợp đấu thầu quốc tế, chi phí dịch tài liệu được tính phù hợp với giá thị trường, bảo đảm hiệu quả của gói thầu.

8.8. Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị (sau đây gọi là Hội đồng tư vấn) của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu được tính theo tỷ lệ phần trăm so với giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị như sau:

a) Giá dự thầu dưới 50.000.000.000 đồng, tỷ lệ 0,03% nhưng tối thiểu là 5.000.000 đồng.

b) Giá dự thầu từ 50.000.000.000 đồng đến dưới 100.000.000.000 đồng, tỷ lệ 0,025% nhưng tối thiểu là 15.000.000 đồng.

c) Giá dự thầu từ 100.000.000.000 đồng đến dưới 200.000.000.000 đồng, tỷ lệ 0,02% nhưng tối thiểu là 25.000.000 đồng.

d) Giá dự thầu từ 200.000.000.000 đồng trở lên, tỷ lệ 0,015% nhưng tối thiểu là 40.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng.

Đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ, trường hợp nhà thầu có kiến nghị không được mở hồ sơ đề xuất về tài chính thì việc xác định chi phí cho Hội đồng tư vấn căn cứ vào giá gói thầu.

8.9. Hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị

a) Trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm chi trả cho nhà thầu có kiến nghị số tiền bằng chi phí giải quyết kiến nghị mà nhà thầu có kiến nghị đã nộp.

b) Trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là không đúng, nhà thầu không được hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị.

8.10. Đối với kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu, Hội đồng tư vấn khoán chi cho các thành viên Hội đồng tư vấn, bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn và các chi phí khác để thực hiện việc tư vấn giải quyết kiến nghị.

Trường hợp trong quá trình kiến nghị, nhà thầu rút đơn kiến nghị thì chỉ được nhận lại 50% chi phí đã nộp trong trường hợp chưa thành lập Hội đồng tư vấn hoặc đã thành lập Hội đồng tư vấn nhưng chưa tổ chức họp hội đồng; trường hợp Hội đồng tư vấn đã tổ chức họp hội đồng thì nhà thầu không được hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị. Đối với số tiền còn lại sau khi hoàn trả cho nhà thầu và chi theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024, bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn nộp vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhà thầu rút đơn kiến nghị.

8.11. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Xem mục V. Nghiệp vụ đấu thầu qua mạng

9. Nguyên tắc xử lý tình huống trong đấu thầu

- Trường hợp phát sinh tình huống chưa được quy định cụ thể, rõ ràng trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và các nội dung khác trong hoạt động đấu thầu, người có thẩm quyền, chủ đầu tư quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xử lý tình huống theo nguyên tắc bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.

- Việc xử lý tình huống căn cứ vào kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; hợp đồng đã ký kết với nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn; tình hình thực tế triển khai thực hiện gói thầu, dự án, dự án đầu tư kinh doanh.

- Đối với lựa chọn nhà thầu, người quyết định xử lý tình huống là chủ đầu tư. Trong trường hợp phức tạp, chủ đầu tư quyết định xử lý tình huống sau khi có ý kiến của người có thẩm quyền. Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ nêu chi tiết về xử lý tình huống trong đấu thầu qua mạng và không qua mạng.

II. KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Nguyên tắc, căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1.1. Nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm. Đối với dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể được lập trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo. Trường hợp chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm thì lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước.

- Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ thời gian thực hiện gói thầu, giá gói thầu trên cơ sở toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu.

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu.

- Việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ của dự án, dự toán mua sắm và phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được duyệt (nếu có).

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập sau khi có dự toán mua sắm, quyết định phê duyệt dự án hoặc đồng thời với quá trình lập dự án, dự toán mua sắm hoặc trước khi có quyết định phê duyệt dự án đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án.

1.2. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1.2.1. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án:

a) Quyết định phê duyệt dự án và tài liệu có liên quan, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư.

b) Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có).

c) Dự án đã được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

d) Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm c nêu trên.

đ) Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, trừ trường hợp đấu thầu trước.

e) Văn bản pháp lý có liên quan.

1.2.2. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (nếu có).

b) Dự toán mua sắm.

c) Văn bản pháp lý có liên quan.

2. Trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

2.1. Trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án

a. Hồ sơ trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án

Hồ sơ trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm những nội dung sau đây:

- Phần công việc đã thực hiện, bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu thực hiện trước với giá trị tương ứng và căn cứ pháp lý để thực hiện.

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu.

- Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm nội dung công việc và giá trị tương ứng hình thành các gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu.

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có), trong đó nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này.

- Phần tổng hợp giá trị của các phần công việc nêu trên. Tổng giá trị của phần này không được vượt tổng mức đầu tư của dự án.

- Nội dung khác có liên quan.

b. Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án:

Người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổ chức thẩm định các nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước khi phê duyệt.

c. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án:

- Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đã phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

- Người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án không áp dụng kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu hoặc ủy quyền cho chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phê duyệt, trừ trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư của gói thầu đấu thầu trước hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án thì do chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

2.2. Trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm

a. Hồ sơ trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm

- Phần công việc đã thực hiện, bao gồm nội dung công việc của gói thầu thực hiện trước với giá trị tương ứng và căn cứ pháp lý để thực hiện.

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu;

- Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm nội dung công việc và giá trị tương ứng hình thành gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu.

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có), trong đó nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này.

- Phần tổng hợp giá trị của các phần công việc nêu trên. Tổng giá trị của phần này không được vượt dự toán mua sắm.

- Nội dung khác có liên quan.

b. Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm: Người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổ chức thẩm định các nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước khi phê duyệt.

c. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm: Người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc ủy quyền cho chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu là tài liệu phân chia toàn bộ dự án thành các gói thầu và nội dung đối với từng gói thầu bao gồm:

(1). Tên gói thầu

Tên gói thầu thể hiện tính chất, nội dung và phạm vi công việc của gói thầu. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt, kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần nêu tên thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.

(2). Giá gói thầu

- Giá gói thầu là giá trị của gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Giá gói thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế. Giá gói thầu được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu nếu cần thiết.

- Đối với gói thầu chia phần thì ghi rõ giá gói thầu và giá ước tính cho từng phần trong giá gói thầu.

- Đối với gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, giá gói thầu không bao gồm giá trị của tùy chọn mua thêm.

(3). Nguồn vốn

Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt. Trường hợp sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài thì phải ghi rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn, bao gồm vốn tài trợ, vốn đối ứng trong nước. Đối với dự toán mua sắm, trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo.

(4). Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu

Đối với mỗi gói thầu phải xác định cụ thể hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu; lựa chọn nhà thầu trong nước hoặc quốc tế; áp dụng hoặc không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng.

Đối với dự án áp dụng kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, ghi theo nội dung phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

Các hình thức lựa chọn nhà thầu

► *Đấu thầu rộng rãi* là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó không hạn chế số lượng nhà thầu tham dự. Đấu thầu rộng rãi được áp dụng đối với tất cả các

gói thầu, trừ trường hợp: đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng, đàm phán giá và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt nêu ở dưới đây.

Trường hợp không đấu thầu rộng rãi, văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do không thực hiện đấu thầu rộng rãi; người có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc không áp dụng đấu thầu rộng rãi.

► *Đấu thầu hạn chế* là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu được mời tham dự thầu, áp dụng trong các trường hợp sau đây.

- Gói thầu có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc kỹ thuật có tính đặc thù mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu.

- Nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu đấu thầu hạn chế trong điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài.

► *Chỉ định thầu*

- Hình thức chỉ định thầu được áp dụng trong các trường hợp sau.

a. Gói thầu cấp bách cần triển khai nhằm mục tiêu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố, thảm họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác.

b. Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp cần triển khai ngay để tránh gây nguy hại đến tính mạng và tài sản của cộng đồng dân cư trên địa bàn hoặc để không ảnh hưởng nghiêm trọng đến công trình liền kề.

c. Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện, phương tiện, xây lắp cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh hoặc duy trì hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp bách, tránh gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe người dân; gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện để cấp cứu người bệnh trong tình trạng cấp cứu theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có đủ thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện; gói thầu mua thuốc, thiết bị y tế chỉ có duy nhất một hãng sản xuất trên thị trường.

d. Gói thầu cần thực hiện để bảo vệ bí mật nhà nước.

đ. Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó hoặc từ hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của nhà thầu, hãng sản xuất mà không thể mua được từ nhà thầu khác, hãng sản xuất khác.

e. Gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm, mua bản quyền sở hữu trí tuệ, mua bản quyền chương trình phát sóng; gói thầu vận chuyển hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, viện trợ trong trường hợp phải giao hàng ngay.

g. Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của phương án kiến trúc trúng tuyển khi tác giả đó có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng; gói thầu thi công xây dựng, phục chế tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng, tác phẩm nghệ thuật gắn với quyền tác giả từ khâu sáng tác đến thi công công trình; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập quy hoạch xây dựng được chỉ định cho tác giả của ý tưởng hoặc đồ án quy hoạch xây dựng đã trúng tuyển thông qua thi tuyển.

h. Gói thầu tư vấn, thi công di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; gói thầu tư vấn, rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công.

i. Gói thầu chỉ có duy nhất một nhà thầu thực hiện được trên thị trường do yêu cầu về giải pháp công nghệ.

k. Gói thầu thuộc dự án quan trọng quốc gia được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo Nghị quyết của Quốc hội khi quyết định chủ trương đầu tư dự án.

l. Gói thầu thuê kho lưu giữ hàng tạm giữ; gói thầu thuê vận chuyển, bốc xếp hàng tạm giữ tại các cảng biển, địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung trong trường hợp chỉ có duy nhất một đơn vị cung cấp dịch vụ trong cảng; gói thầu nhập khẩu vũ khí thể thao phục vụ các câu lạc bộ, trường, trung tâm đào tạo huấn luyện thể thao tập luyện, thi đấu hàng năm.

m. Gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu trong hạn mức từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng; gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công, bao gồm: Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn

có giá gói thầu trong hạn mức không quá 500 triệu đồng, gói thầu phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu trong hạn mức không quá 01 tỷ đồng.

Trường hợp cần điều chỉnh hạn mức nêu trên để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

(i) Đối với gói thầu quy định tại các mục a, b và c nêu trên, chủ đầu tư quyết định, chịu trách nhiệm việc chỉ định thầu theo quy trình rút gọn cho nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu bao gồm các bước sau: Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu; hoàn thiện hợp đồng; trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

(ii) Việc thực hiện chỉ định thầu đối với gói thầu quy định tại các mục d, đ, e, g, h, i, k, l và m nêu trên phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây.

+ Có quyết định đầu tư được phê duyệt đối với dự án, trừ gói thầu tư vấn phục vụ công tác chuẩn bị dự án.

+ Có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.

+ Đã được bố trí vốn để thực hiện gói thầu.

+ Có dự toán được phê duyệt theo quy định, trừ gói thầu EP, EC, EPC, gói thầu chìa khóa trao tay.

(iii) Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu, không phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

(iv) Việc chỉ định thầu phải được thực hiện trong thời hạn không quá 45 ngày kể từ ngày phê duyệt hồ sơ yêu cầu đến ngày ký kết hợp đồng; trường hợp gói thầu có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày.

- Trường hợp gói thầu chỉ định thầu được áp dụng trong các trường hợp nêu từ mục a đến mục m kể trên đáp ứng điều kiện chỉ định thầu tại mục (ii) nhưng vẫn có thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác (đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp) thì khuyến khích người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức khác để lựa chọn nhà thầu.

► *Chào hàng cạnh tranh* được áp dụng đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng thuộc một trong các trường hợp sau đây.

- Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản.
- Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng.
- Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.
- Gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp, trong đó nội dung xây lắp đáp ứng quy định về gói thầu xây lắp nêu trên.

► *Mua sắm trực tiếp* được áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa tương tự thuộc dự án, dự toán mua sắm của cùng một chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư khác và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây.

a) Nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó.

b) Chủ đầu tư chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các loại hàng hóa thuộc gói thầu và khối lượng từng hạng mục công việc nhỏ hơn 130% so với khối lượng hạng mục tương ứng thuộc gói thầu đã ký hợp đồng trước đó, không bao gồm khối lượng của tùy chọn mua thêm (nếu có).

c) Đơn giá của các phần việc thuộc gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó, đồng thời, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm hoàn thiện hợp đồng.

d) Thời gian từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng.

Trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng trước đó không có khả năng tiếp tục thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp thì được áp dụng mua sắm trực tiếp đối với nhà thầu khác nếu nhà thầu đó đáp ứng đủ các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật và giá theo hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó.

► *Tự thực hiện*

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu được tự thực hiện gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây.

+ Có chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động hoặc ngành, nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu.

- + Có năng lực kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu.
- + Có phương án khả thi huy động nhân sự, máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực hiện gói thầu.

- Chủ đầu tư trực tiếp tự thực hiện gói thầu hoặc giao đơn vị hạch toán phụ thuộc, phòng, ban thuộc tổ chức đó thực hiện.

- Chủ đầu tư trực tiếp tự thực hiện gói thầu hoặc giao đơn vị hạch toán phụ thuộc, phòng, ban thuộc tổ chức đó thực hiện không được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác khối lượng công việc có giá trị từ 10% trở lên hoặc trên 50 tỷ đồng tính trên giá trị công việc quy định tại thỏa thuận giao việc.

► *Tham gia thực hiện của cộng đồng*

Hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng được áp dụng trong trường hợp cộng đồng dân cư, tổ, nhóm thợ đủ năng lực tại địa phương nơi có gói thầu được giao thực hiện toàn bộ hoặc một phần gói thầu thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công mà Nhà nước và Nhân dân cùng làm có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng.

Phương thức lựa chọn nhà thầu

a) Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp sau đây.

- Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, trừ trường hợp đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ.

- Chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp.

- Chỉ định thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp.

- Mua sắm trực tiếp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa.

Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

Việc mở thầu được tiến hành một lần đối với toàn bộ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

b. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp sau đây.

- Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.
- Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ.

Nhà thầu nộp đồng thời hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và hồ sơ đề xuất về tài chính riêng biệt theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

Việc mở thầu được tiến hành hai lần. Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở hồ sơ đề xuất về tài chính để đánh giá.

(5). Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu và thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, được ghi rõ theo tháng hoặc quý trong năm. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (là số ngày tối đa tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả thời gian thẩm định. Trường hợp cần thiết, có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời gian thẩm định vào mục này.

(6). Loại hợp đồng

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải xác định cụ thể loại hợp đồng để làm căn cứ lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; ký kết hợp đồng.

- Các loại hợp đồng.

a. Hợp đồng trọn gói: được áp dụng đối với gói thầu mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu, phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện gói thầu được xác định rõ, ít có khả năng thay đổi về khối lượng, yêu cầu kỹ thuật, các điều kiện không lường trước được; gói thầu chưa thể xác định được rõ khối lượng, đơn giá nhưng các bên tham gia hợp đồng xác định được khả năng quản lý rủi ro, quản lý thay đổi phát sinh hoặc xác định được các tính chất, đặc điểm của sản phẩm đầu ra, bao gồm cả hợp đồng EPC và hợp đồng chìa khóa trao tay.

- Khi áp dụng hợp đồng trọn gói, giá gói thầu làm căn cứ xét duyệt trúng thầu bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu trong gói thầu. Giá dự thầu phải bao gồm

tất cả chi phí cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm của nhà thầu trong việc thực hiện gói thầu.

- Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi.

- Việc thanh toán được thực hiện theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với giai đoạn thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

b. Hợp đồng theo đơn giá cố định: được áp dụng đối với gói thầu mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu bản chất công việc đã xác định được rõ ràng nhưng chưa xác định được chính xác số lượng, khối lượng công việc thực tế phải hoàn thành. Giá hợp đồng ban đầu dựa trên số lượng, khối lượng công việc, đơn giá cố định theo hợp đồng và chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh được xác định theo quy định của pháp luật.

- Hợp đồng theo đơn giá cố định có đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Nhà thầu được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu và đơn giá cố định quy định tại hợp đồng.

c. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: được áp dụng đối với gói thầu có thời gian thực hiện dài và có rủi ro biến động giá đối với các chi phí đầu vào để thực hiện hợp đồng, có thể tác động tiêu cực đến việc thực hiện gói thầu nếu áp dụng đơn giá cố định. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh có đơn giá, giá hợp đồng có thể được điều chỉnh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Giá hợp đồng ban đầu dựa trên cơ sở số lượng, khối lượng công việc cần thiết với đơn giá cơ sở theo hợp đồng và chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh, chi phí dự phòng trượt giá. Nội dung hợp đồng phải quy định phương pháp tính trượt giá và chi phí dự phòng trượt giá theo quy định của pháp luật.

- Nhà thầu được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu và đơn giá quy định tại hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh (nếu có).

d. Hợp đồng theo thời gian: có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; sửa chữa, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị; dịch vụ tư vấn khi khó xác định được

phạm vi và thời gian thực hiện dịch vụ. Giá hợp đồng được tính trên cơ sở đơn giá cho đơn vị thời gian, mức lương đã thỏa thuận theo giờ, ngày, tuần hoặc tháng nêu trong hợp đồng và chi phí phát sinh hợp lý có thể bồi hoàn.

d. Hợp đồng theo chi phí cộng phí: được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu chưa đủ cơ sở xác định phạm vi công việc, nhu cầu cần thiết về các yếu tố, chi phí đầu vào để thực hiện các công việc dự kiến của hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên thỏa thuận về chi phí quản lý, chi phí chung, lợi nhuận, phương pháp tính theo chi phí trực tiếp; phương pháp xác định chi phí trực tiếp làm căn cứ để tính toán chi phí trực tiếp và các nội dung khác để thực hiện hợp đồng.

e. Hợp đồng theo kết quả đầu ra: Được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà việc thanh toán căn cứ vào kết quả thực hiện hợp đồng được nghiệm thu về chất lượng, số lượng và các yếu tố khác. Hợp đồng phải nêu rõ yêu cầu cụ thể về số lượng, chất lượng đầu ra, biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng đầu ra, mức giảm trừ thanh toán, quy định về điều chỉnh giá (nếu có) và các nội dung khác để thực hiện hợp đồng.

g. Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm: chỉ có thể áp dụng cho gói thầu bảo hiểm công trình mà giá trị hợp đồng được xác định chính xác trên cơ sở giá trị công trình thực tế được nghiệm thu.

h. Hợp đồng hỗn hợp: là hợp đồng có nội dung kết hợp các loại hợp đồng nêu trên. Hợp đồng hỗn hợp phải quy định rõ phạm vi công việc áp dụng đối với từng loại hợp đồng tương ứng và các nội dung bổ sung, điều chỉnh liên quan khi áp dụng đồng thời nhiều loại hợp đồng đối với một nội dung công việc, dịch vụ. Việc thanh toán đối với hợp đồng hỗn hợp phải phù hợp với quy định thanh toán theo từng loại hợp đồng cho phạm vi công việc thực hiện.

(7). Thời gian thực hiện gói thầu

Thời gian thực hiện gói thầu được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), dịch vụ phi tư vấn, tư vấn. Thời gian thực hiện gói thầu được tính theo số ngày, số tuần, số tháng hoặc số năm, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, thời gian giám sát tác giả đối với gói thầu tư vấn (nếu có).

(8). Tùy chọn mua thêm (nếu có)

a) Tùy chọn mua thêm là khả năng chủ đầu tư mua bổ sung hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong hợp đồng.

b) Trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ khối lượng, số lượng, giá trị ước tính của phần tùy chọn mua thêm.

c) Tùy chọn mua thêm được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện: nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi, đàm phán giá; khối lượng mua thêm không vượt 30% của khối lượng hạng mục tương ứng nêu trong hợp đồng; có dự toán được phê duyệt đối với khối lượng mua thêm; đơn giá của hàng hóa, dịch vụ mua thêm không được vượt đơn giá của các hàng hóa, dịch vụ tương ứng trong hợp đồng; chỉ áp dụng trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng.

(9). Giám sát hoạt động đấu thầu (nếu có).

4. Điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, giá gói thầu

a. Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, trình, thẩm định, phê duyệt đối với các nội dung có sự thay đổi, điều chỉnh. Đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, khi đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì chỉ lập, trình, thẩm định, phê duyệt cho phần công việc này mà không phải lập, trình, thẩm định, phê duyệt lại cho phần công việc khác đã được phê duyệt trước đó. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, có thay đổi về thời gian thực hiện gói thầu so với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt thì không phải điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

b. Trường hợp có lý do cần điều chỉnh giá gói thầu hoặc nội dung gói thầu, phải điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật trước thời điểm đóng thầu, trừ 02 trường hợp sau.

- Trường hợp gói thầu có dự toán được duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà dự toán gói thầu cao hơn hoặc thấp hơn giá gói thầu ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì dự toán đó sẽ thay thế giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo nguyên tắc sau đây.

+ Trường hợp dự toán gói thầu được duyệt cao hơn giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng bảo đảm giá trị cao hơn đó không làm vượt tổng mức đầu tư của dự án, dự toán mua sắm thì không phải điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp giá trị cao hơn đó làm vượt tổng mức đầu tư của dự án, dự toán mua sắm thì phải điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu; nếu hình thức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt không còn phù hợp thì phải điều chỉnh hình thức lựa chọn nhà thầu.

+ Trường hợp dự toán gói thầu được duyệt thấp hơn giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà không làm thay đổi hình thức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt thì không phải điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu; trường hợp cần điều chỉnh hình thức lựa chọn nhà thầu cho phù hợp với giá trị mới của gói thầu theo dự toán được duyệt thì phải tiến hành điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Dự toán được phê duyệt sau khi kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt nêu trên phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 05 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

III. QUY TRÌNH TỔ CHỨC ĐẤU THẦU

1. Trách nhiệm của các bên trong tổ chức đấu thầu

1.1. Trách nhiệm của người có thẩm quyền

1. Phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 36 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 40 và Điều 41 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

3. Tổ chức thẩm định nội dung quy định tại mục 1, 2 nêu trên.

4. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Hủy thầu đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 và các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 17 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

6. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

7. Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác đấu thầu, thực hiện hợp đồng.

8. Đối với lựa chọn nhà thầu, ngoài trách nhiệm quy định tại các mục 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 nêu trên, người có thẩm quyền còn có trách nhiệm sau đây.

a) Điều chỉnh nhiệm vụ và thẩm quyền của chủ đầu tư trong trường hợp không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các yêu cầu của dự án, gói thầu.

b) Yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu cung cấp hồ sơ, tài liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu và công việc quy định tại mục 4, mục 5 nêu trên.

c) Có ý kiến đối với việc xử lý tình huống trong trường hợp phức tạp theo đề nghị của chủ đầu tư quy định tại điểm a khoản 3 Điều 88 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

9. Giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định nêu trên theo yêu cầu của cơ quan cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

10. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.2. Trách nhiệm của chủ đầu tư

- Phê duyệt các nội dung sau đây.

+ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, gói thầu đấu thầu trước; kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án đã phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

+ Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, danh sách ngắn.

+ Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

+ Kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Tổ chức thẩm định các nội dung nêu trên.

- Ký kết hoặc ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng với nhà thầu; thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng đã ký kết.

- Quyết định thành lập bên mời thầu với nhân sự đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu; trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu thì lựa chọn nhà thầu tư vấn để làm bên mời thầu hoặc thực hiện một số nhiệm vụ của bên mời thầu. Quyết định thành lập tổ chuyên gia trong trường hợp không thuê đơn vị tư vấn làm bên mời thầu.

- Quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu.

- Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu.

- Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

- Lưu trữ thông tin liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu hằng năm.

- Hủy thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về quá trình lựa chọn nhà thầu.

- Trường hợp chủ đầu tư đồng thời là bên mời thầu thì còn phải thực hiện trách nhiệm của bên mời thầu.

- Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đấu thầu qua mạng.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của thông tin đã đăng ký, đăng tải lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi sử dụng chứng thư số của mình.

- Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.3. Trách nhiệm của bên mời thầu

- Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; tổ chức đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

- Quyết định thành lập tổ chuyên gia trong trường hợp bên mời thầu là đơn vị tư vấn được chủ đầu tư lựa chọn.

- Yêu cầu nhà thầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong quá trình đánh giá hồ sơ.

- Trình duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Thương thảo (nếu có) và hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu, quản lý thực hiện hợp đồng (nếu có).

- Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

- Cung cấp thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư trong phạm vi công việc được giao theo quy định.

- Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đấu thầu qua mạng.

- Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.4. Trách nhiệm của tổ chuyên gia

- Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

- Đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; đề xuất với bên mời thầu phương án xử lý tình huống trong trường hợp phát sinh tình huống trong đấu thầu (nếu có).

- Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

- Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm nêu trên theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

- Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.5. Trách nhiệm của tổ thẩm định

- Hoạt động độc lập, khách quan khi tiến hành thẩm định.

- Yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan.

- Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình thẩm định.

- Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, người có thẩm quyền, chủ đầu tư về kết quả thẩm định và các công việc được giao.

- Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.6. Trách nhiệm của nhà thầu

- Yêu cầu bên mời thầu làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

- Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

- Ngoài trách nhiệm nêu trên, nhà thầu tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia còn có trách nhiệm sau đây.

+ Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin khi tham gia đấu thầu qua mạng;

+ Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Thực hiện các nội dung theo hợp đồng đã ký kết.

- Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quy trình tổ chức đấu thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp được tổ chức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ (qua mạng)

TT	Nội dung công việc	Hồ sơ, Chứng từ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú/Tài liệu tham chiếu/Biểu mẫu
I	LẬP KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU				
1	Lập, trình phê duyệt KHLCN,	- Tờ trình phê duyệt KHLCNT - Dự thảo quyết định phê duyệt KHLCNT	Đơn vị được giao nhiệm vụ		- Mẫu số 02A Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT - Mẫu số 02C Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
2	Thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu, Tổ thẩm định thầu	- Tờ trình đề nghị thành lập tổ thẩm định thầu - Tờ trình đề nghị thành lập tổ chuyên gia - Quyết định thành lập Tổ thẩm định thầu	Bên mời thầu, Chủ đầu tư		Điều 19 – Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15

TT	Nội dung công việc	Hồ sơ, Chứng từ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú/Tài liệu tham chiếu/Biểu mẫu
		- Quyết định thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu - Cam kết và chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia (<i>Trường hợp là nhân sự của chủ đầu tư</i>)			
3	Thẩm định KHLCNT	Báo cáo thẩm định KHLCNT	Tổ thẩm định		- Mẫu số 02B Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
4	Phê duyệt KHLCNT	Quyết định phê duyệt KHLCNT	Người có thẩm quyền/ CĐT		- Mẫu số 02C Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
5	Đăng tải KHLCNT trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Quyết định phê duyệt KHLCNT được đăng tải	Chủ đầu tư	Thời hạn ≤ 05 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt KHLCN	Điều 12 Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
II	CHUẨN BỊ LỰA CHỌN NHÀ THẦU				
6	Lập E-HSMT	- Dự thảo E-HSMT	Tổ chuyên gia	Sau khi phê duyệt KHLCNT	Mẫu số 3A (gói XL); Mẫu số 4A (gói MSHH); Mẫu số 5A (gói DVPTV) - Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
7	Trình phê duyệt E-HSMT	Hồ sơ trình gồm: - Tờ trình phê duyệt E-HSMT - Dự thảo E-HSMT	BMT	Khi có đủ Hồ sơ	

TT	Nội dung công việc	Hồ sơ, Chứng từ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú/Tài liệu tham chiếu/Biểu mẫu
		- Bản chụp các tài liệu: + Quyết định phê duyệt dự án/dự toán + Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu + Tài liệu khác liên quan			
8	Thẩm định E-HSMT	Báo cáo thẩm định E-HSMT	Tổ thẩm định		Mẫu số 3A - Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT
9	Phê duyệt E-HSMT	E-HSMT kèm Quyết định phê duyệt E-HSMT	Chủ đầu tư		
III	TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU				
10	Đăng tải E-TBMT và phát hành E-HSMT	E-HSMT kèm Quyết định phê duyệt E-HSMT được đăng tải	Bên mời thầu	Sau khi phê duyệt E-HSMT	Điều 16, Điều 17 Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
11	Sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có)	- E-HSMT sửa đổi kèm Quyết định sửa đổi E-HSMT (Trường hợp sửa đổi); - Văn bản làm rõ E-HSMT	Bên mời thầu	Thời gian sửa đổi \geq 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu; Thời gian làm rõ; Thời gian đăng tải văn bản làm rõ E-HSMT trên Hệ thống \geq 02 ngày làm việc trước ngày có	Điểm đ khoản 1 Điều 45 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; Điều 17 Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT

TT	Nội dung công việc	Hồ sơ, Chứng từ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú/Tài liệu tham chiếu/Biểu mẫu
				thời điểm đóng thầu	
12	Nhà thầu chuẩn bị, nộp E-HSDT	E-HSDT	Các nhà thầu tham gia	<p>≥ 09 ngày từ ngày phát hành E-HSMT đối với ĐTRR. ĐTHC</p> <p>≥ 5 ngày làm việc đối với CHCT</p>	K1, Điều 45, Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15
13	Mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống	Biên bản mở thầu	Bên mời thầu	≤ 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu	- K1, Điều 27 Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
IV	ĐÁNH GIÁ E-HSDT, XẾP HẠNG NHÀ THẦU				
14	Đánh giá E-HSDT, xếp hạng nhà thầu	Báo cáo đánh giá E-HSDT	Tổ chuyên gia đấu thầu		- Mẫu số 7A, 7B Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
15	Đối chiếu tài liệu	Kết quả đối chiếu tài liệu	Bên mời thầu, Nhà thầu xếp hạng 1		Phụ lục 2A Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
IV	TRÌNH, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG KHAI KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU				
16	Trình đề nghị phê duyệt KQLCNT	Hồ sơ trình: -Tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT	Bên mời thầu	Sau khi ký văn bản đối chiếu tài liệu	Phụ lục 3A, Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT

TT	Nội dung công việc	Hồ sơ, Chứng từ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú/Tài liệu tham chiếu/Biểu mẫu
		- Báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia và Kết quả đối chiếu tài liệu - Các tài liệu khác có liên quan.			
17	Thẩm định KQLCNT	Báo cáo thẩm định KQLCNT	Tổ thẩm định		Mẫu số 3C - Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT
18	Phê duyệt KQLCNT	Quyết định phê duyệt KQLCNT	CĐT		Phụ lục 3B, Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
19	Đăng tải KQLCNT trên mạng đấu thầu quốc gia	Thông báo KQLCNT được đăng tải	Chủ đầu tư	≤ 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.	Điều 19 Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
20	Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trên mạng đấu thầu quốc gia	Thông báo chấp thuận được đăng tải	Bên mời thầu	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	
VI	HOÀN THIỆN, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG				
21	Hoàn thiện và ký kết hợp đồng	Hợp đồng	Bên mời thầu, Nhà thầu trúng thầu, CĐT	Sau khi đăng tải thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	
22	Tiếp nhận, bàn giao, nghiệm thu;	- Các hồ sơ, văn bản liên quan đến quá trình thực hiện	Bên mời thầu, CĐT;	Theo quy định của hợp đồng	

TT	Nội dung công việc	Hồ sơ, Chứng từ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú/Tài liệu tham chiếu/Biểu mẫu
	Thanh lý hợp đồng		Nhà thầu trúng thầu		
		- Thanh lý hợp đồng + Hóa đơn tài chính	Bên mời thầu, CĐT; Nhà thầu Trúng thầu		

IV. QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Quy trình lựa chọn danh sách ngắn

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, có thể áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn nhằm lựa chọn các nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm theo yêu cầu của gói thầu để mời tham gia đấu thầu. Việc áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn do người có thẩm quyền quyết định và phải được ghi rõ trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

1.1. Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu rộng rãi gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hoá, xây lắp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ

a) Lập hồ sơ mời sơ tuyển.

Hồ sơ mời sơ tuyển bao gồm các nội dung: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ dự sơ tuyển; tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ dự sơ tuyển; tiêu chuẩn về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển được xây dựng theo các tiêu chí đạt, không đạt, trong đó quy định mức tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

b) Hồ sơ mời sơ tuyển được thẩm định theo quy định tại Điều 129 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP trước khi phê duyệt. Việc phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển được thực hiện bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển.

c) Thông báo mời sơ tuyển thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

d) Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển: Hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

đ) Tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự sơ tuyển: Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ dự sơ tuyển đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển.

e) Mở và đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển.

Hồ sơ dự sơ tuyển được nộp trong thời hạn và địa điểm quy định tại hồ sơ mời sơ tuyển và được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Việc mở hồ sơ dự sơ tuyển phải được ghi thành biên bản, gửi cho các nhà thầu nộp hồ sơ dự sơ tuyển và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu. Hồ sơ dự sơ tuyển được gửi sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, không được mở và bị loại. Việc đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời sơ tuyển. Nhà thầu có hồ sơ dự sơ tuyển được đánh giá đạt đối với tất cả các nội dung về năng lực và kinh nghiệm được đưa vào danh sách ngắn.

Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định 24/2024/NĐ-CP thì không phải đáp ứng một số tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

g) Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả sơ tuyển.

Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, bên mời thầu trình phê duyệt kết quả sơ tuyển, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia. Kết quả sơ tuyển được thẩm định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 130 Nghị định 24/2024/NĐ-CP và được phê duyệt bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả sơ tuyển. Trường hợp lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển bao gồm tên các nhà thầu trúng sơ tuyển và các nội dung cần lưu ý (nếu có). Trường hợp không lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển phải nêu rõ lý do không lựa chọn được danh sách ngắn.

h) Công khai danh sách ngắn: danh sách ngắn được đăng tải theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và thông báo đến các nhà thầu nộp hồ sơ dự sơ tuyển.

1.2. Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hoá, xây lắp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ

a) Xác định, phê duyệt danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

b) Sau khi phê duyệt, danh sách ngắn được đăng tải theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

1.3. Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu rộng rãi gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn

a) Lập hồ sơ mời quan tâm.

Hồ sơ mời quan tâm bao gồm các nội dung: Thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ quan tâm; tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ quan tâm; tiêu chuẩn về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; tiêu chuẩn về nhân sự (nếu có). Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ quan tâm được xây dựng trên cơ sở sử dụng phương pháp chấm điểm, trong đó quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu không thấp hơn 60% tổng số điểm.

b) Hồ sơ mời quan tâm được thẩm định theo quy định tại Điều 129 Nghị định 24/2024/NĐ-CP trước khi phê duyệt.

c) Việc phê duyệt hồ sơ mời quan tâm được thực hiện bằng văn bản căn cứ vào tờ trình đề nghị phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời quan tâm.

d) Thông báo mời quan tâm thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

đ) Hồ sơ mời quan tâm được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

e) Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ quan tâm đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả mời quan tâm.

g) Mở và đánh giá hồ sơ quan tâm.

Hồ sơ quan tâm được nộp trong thời hạn và địa điểm quy định tại hồ sơ mời quan tâm sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Việc mở hồ sơ quan tâm phải được lập thành biên bản, gửi cho các nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm; được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở

thầu. Hồ sơ quan tâm được gửi đến sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, không được mở và bị loại.

Việc đánh giá hồ sơ quan tâm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời quan tâm. Hồ sơ quan tâm của nhà thầu có số điểm được đánh giá không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đưa vào danh sách ngắn; hồ sơ quan tâm của nhà thầu có số điểm cao nhất được xếp thứ nhất; trường hợp có nhiều hơn 06 nhà thầu đạt yêu cầu thì lựa chọn 06 nhà thầu xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn.

h) Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả mời quan tâm.

Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, bên mời thầu trình phê duyệt kết quả mời quan tâm, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

Kết quả mời quan tâm được thẩm định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 130 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và được phê duyệt bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm. Trường hợp lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả mời quan tâm bao gồm tên các nhà thầu được lựa chọn vào danh sách ngắn và các nội dung cần lưu ý (nếu có). Trường hợp không lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả mời quan tâm phải nêu rõ lý do không lựa chọn được danh sách ngắn.

i) Danh sách ngắn được đăng tải theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và thông báo đến các nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm.

1.4. Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn

a) Xác định, phê duyệt danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

b) Sau khi phê duyệt, danh sách ngắn được đăng tải theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

2. Quy trình đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, đấu thầu hạn chế áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ

a. Đấu thầu rộng rãi

- Đấu thầu rộng rãi là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó không hạn chế số lượng nhà thầu tham dự.

- Ưu nhược điểm.

Đây là hình thức lựa chọn được nhà thầu tốt nhất mang tính cạnh tranh cao. Tuy nhiên, hình thức này cũng mang lại nhiều khó khăn cho bên mời thầu khi phải quản lý số lượng lớn hồ sơ, chi phí cho hoạt động tổ chức đấu thầu cũng kéo theo thời gian thực hiện công tác tổ chức dài.

b. Đấu thầu hạn chế

- Đấu thầu hạn chế là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu được mời tham dự thầu.

- Ưu nhược điểm.

Đây là hình thức lựa chọn được nhà thầu sẽ giới hạn nhà thầu tham dự. Do đó tính cạnh tranh của hình thức đấu thầu này không cao. Tuy nhiên, bên mời thầu sẽ hướng đến những sản phẩm đặc thù, có tính kỹ thuật cao mà không sợ sản phẩm kém chất lượng trà trộn vào.

c. Chào hàng cạnh tranh

Chào hàng cạnh tranh được áp dụng đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng thuộc một trong các trường hợp sau đây.

- Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản.

- Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng.

- Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

- Gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp, trong đó nội dung xây lắp đáp ứng quy định về gói thầu xây lắp công trình đơn giản.

d. Quy trình chi tiết

Bước 1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

a) Lựa chọn danh sách ngắn (nếu cần thiết).

b) Lập hồ sơ mời thầu.

c) Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu.

Bước 2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, bao gồm.

- a) Mời thầu.
- b) Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu.
- c) Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu.
- d) Mở thầu.

Bước 3. Đánh giá hồ sơ dự thầu, bao gồm.

- a) Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu.
- b) Đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.
- c) Xếp hạng nhà thầu (nếu có nhiều hơn 01 nhà thầu).

Bước 4. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có).

Bước 5. Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

Quy trình đấu thầu rộng rãi - chào hàng cạnh tranh - Đấu thầu hạn chế (1 giai đoạn 1 túi hồ sơ) Hình 3.1.

3. Quy trình chỉ định thầu

Chỉ định thầu là hình thức mà bên mời thầu chọn trực tiếp (chỉ định) nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu để thương thảo hợp đồng mà không qua đấu thầu.

3.1. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chỉ có một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu

3.1.1. Trường hợp áp dụng

- Gói thầu cần thực hiện để bảo vệ bí mật nhà nước.
- Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó hoặc từ hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của nhà thầu, hãng sản xuất mà không thể mua được từ nhà thầu khác, hãng sản xuất khác.
- Gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm, mua bản quyền sở hữu trí tuệ, mua bản quyền chương trình phát sóng; gói thầu vận chuyển hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, viện trợ trong trường hợp phải giao hàng ngay.
- Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế

xây dựng được chỉ định cho tác giả của phương án kiến trúc trúng tuyển khi tác giả đó có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng; gói thầu thi công xây dựng, phục chế tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng, tác phẩm nghệ thuật gắn với quyền tác giả từ khâu sáng tác đến thi công công trình; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập quy hoạch xây dựng được chỉ định cho tác giả của ý tưởng hoặc đồ án quy hoạch xây dựng đã trúng tuyển thông qua thi tuyển.

- Gói thầu tư vấn, thi công di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; gói thầu tư vấn, rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công.

- Gói thầu chỉ có duy nhất một nhà thầu thực hiện được trên thị trường do yêu cầu về giải pháp công nghệ.

- Gói thầu thuộc dự án quan trọng quốc gia được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo Nghị quyết của Quốc hội khi quyết định chủ trương đầu tư dự án.

- Gói thầu thuê kho lưu giữ hàng tạm giữ; gói thầu thuê vận chuyển, bốc xếp hàng tạm giữ tại các cảng biển, địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung trong trường hợp chỉ có duy nhất một đơn vị cung cấp dịch vụ trong cảng; gói thầu nhập khẩu vũ khí thể thao phục vụ các câu lạc bộ, trường, trung tâm đào tạo huấn luyện thể thao tập luyện, thi đấu hàng năm.

3.1.2. Nội dung chi tiết quy trình quy định tại Điều 76 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024.

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu.

a) Lập hồ sơ yêu cầu

b) Trình, thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu.

c) Xác định nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu

2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu.

3. Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu.

4. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu

5. Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng

Quy trình chỉ định thầu thông thường cho một nhà thầu (Hình 3.2)

3.2. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu

3.2.1. Trường hợp áp dụng.

- Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó hoặc từ hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của nhà thầu, hãng sản xuất mà không thể mua được từ nhà thầu khác, hãng sản xuất khác.

- Gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm, mua bản quyền sở hữu trí tuệ, mua bản quyền chương trình phát sóng; gói thầu vận chuyển hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, viện trợ trong trường hợp phải giao hàng ngay.

- Gói thầu tư vấn, thi công di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; gói thầu tư vấn, rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công.

- Gói thầu thuộc dự án quan trọng quốc gia được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo Nghị quyết của Quốc hội khi quyết định chủ trương đầu tư dự án.

- Gói thầu thuê kho lưu giữ hàng tạm giữ; gói thầu thuê vận chuyển, bốc xếp hàng tạm giữ tại các cảng biển, địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung trong trường hợp chỉ có duy nhất một đơn vị cung cấp dịch vụ trong cảng; gói thầu nhập khẩu vũ khí thể thao phục vụ các câu lạc bộ, trường, trung tâm đào tạo huấn luyện thể thao tập luyện, thi đấu hằng năm.

3.2.2. Nội dung chi tiết quy trình quy định tại Điều 77 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024.

Đối với gói thầu thuộc trường hợp trên, chủ đầu tư quyết định chọn một nhà thầu dự kiến chỉ định và gửi hồ sơ yêu cầu cho nhà thầu đó theo quy trình tại mục 3.1 hoặc xác định, phê duyệt danh sách dự kiến mời nhận hồ sơ yêu cầu gồm nhiều hơn một nhà thầu theo quy trình dưới đây.

1. Lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu.

a) Lập hồ sơ yêu cầu

b) Trình, thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu

c) Xác định danh sách nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu

2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu.

a) Hồ sơ yêu cầu được phát hành cho các nhà thầu có tên trong danh sách được mời nhận hồ sơ yêu cầu.

b) Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất căn cứ hồ sơ yêu cầu.

3. Đánh giá và làm rõ hồ sơ đề xuất, sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, xếp hạng nhà thầu

4. Thương thảo hợp đồng (nếu có)

5. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu

6. Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng

Quy trình chỉ định thầu thông thường cho cho nhiều hơn một nhà thầu (Hình 3.3).

3.3. Quy trình chỉ định thầu rút gọn đối với gói thầu trong hạn mức chỉ định thầu theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

Trường hợp này phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Quy trình chỉ định thầu rút gọn được thực hiện như sau.

a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu.

Bên mời thầu căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi Dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác.

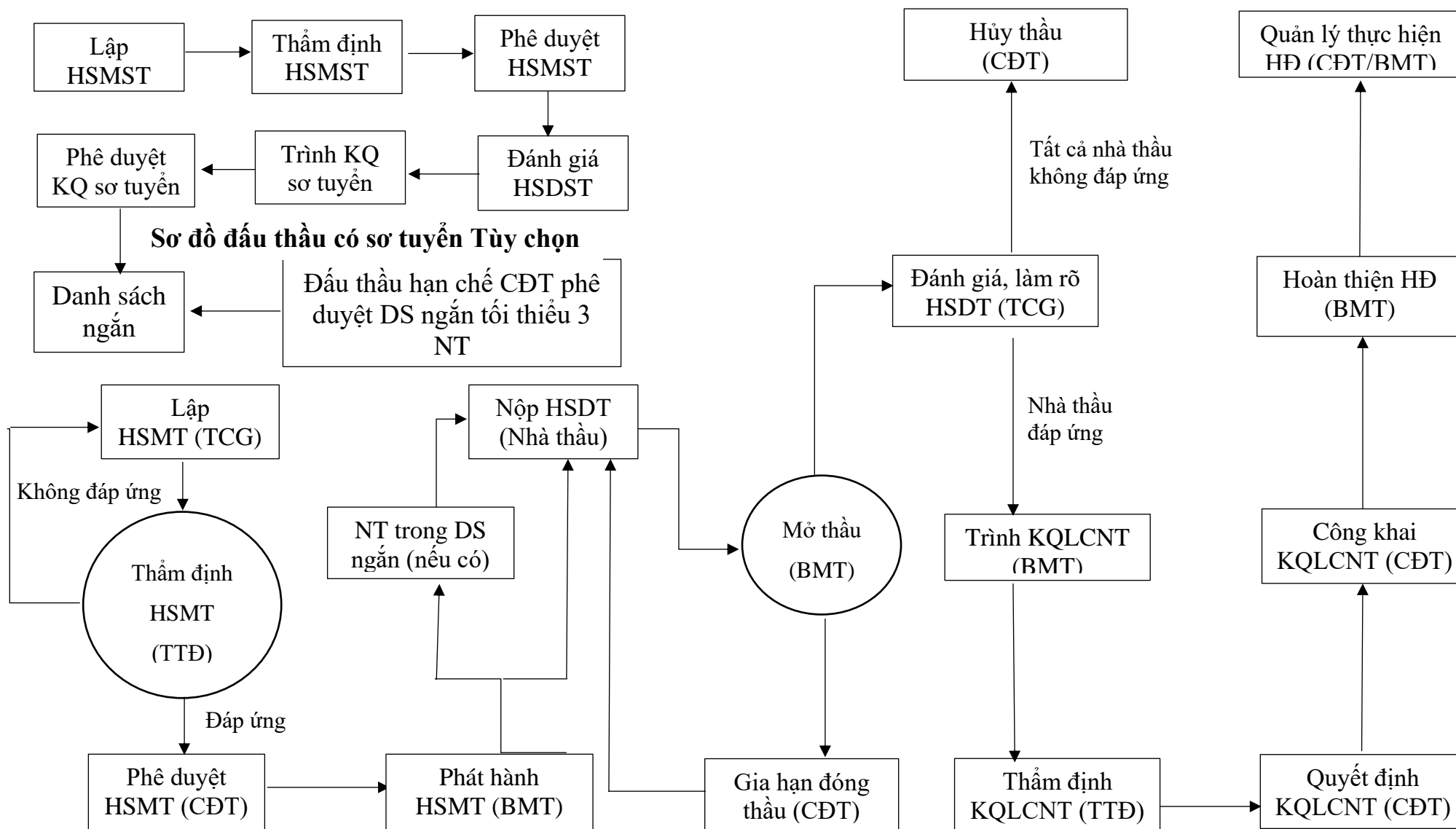
b) Hoàn thiện hợp đồng, trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, bên mời thầu và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở để trình, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Việc công khai kết quả chỉ định thầu theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

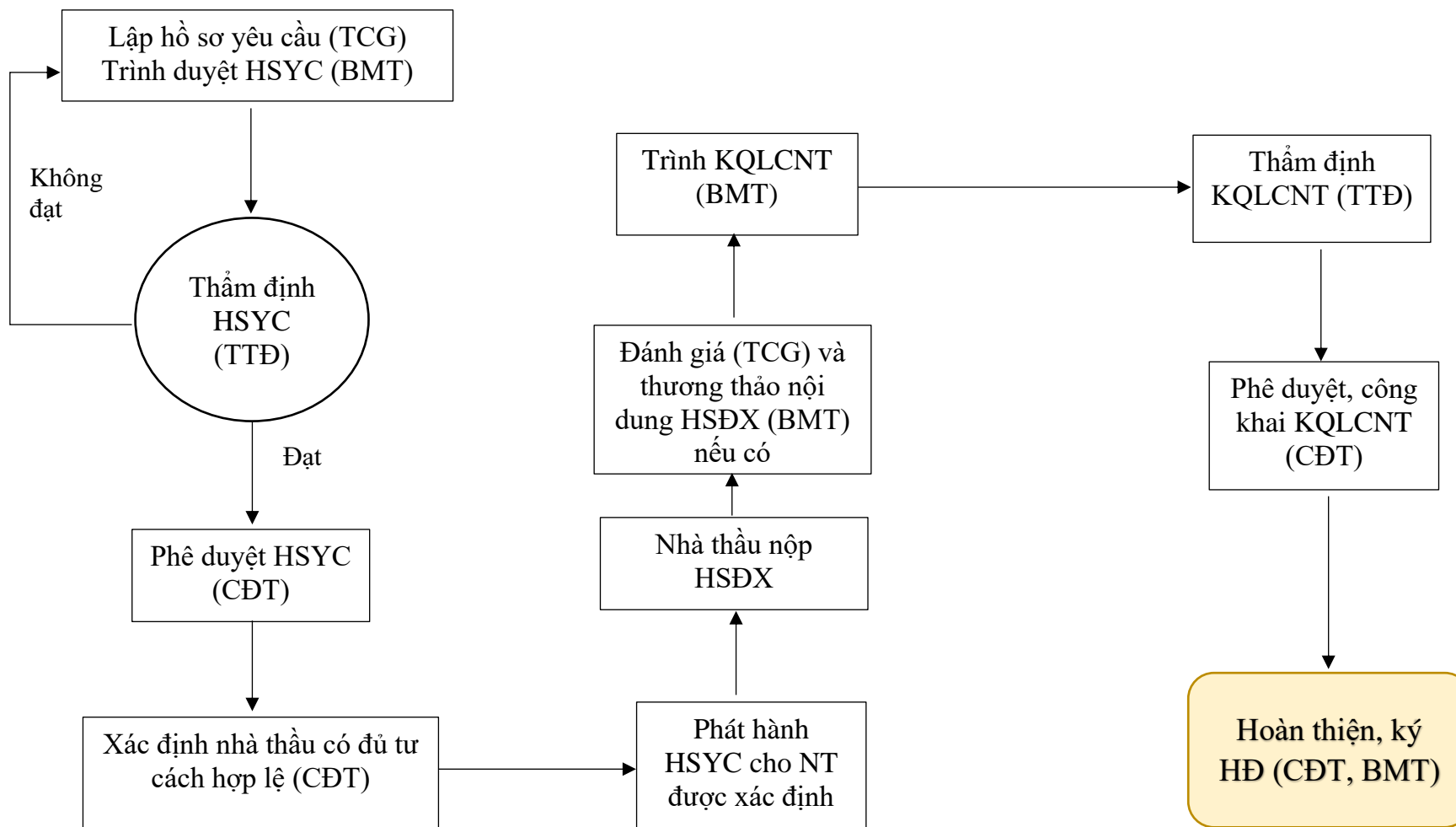
c) Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan khác. Việc quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp chủ đầu tư không áp dụng quy trình rút gọn mà áp dụng quy trình thông thường thì thực hiện theo quy định tại Điều 76 hoặc Điều 77 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

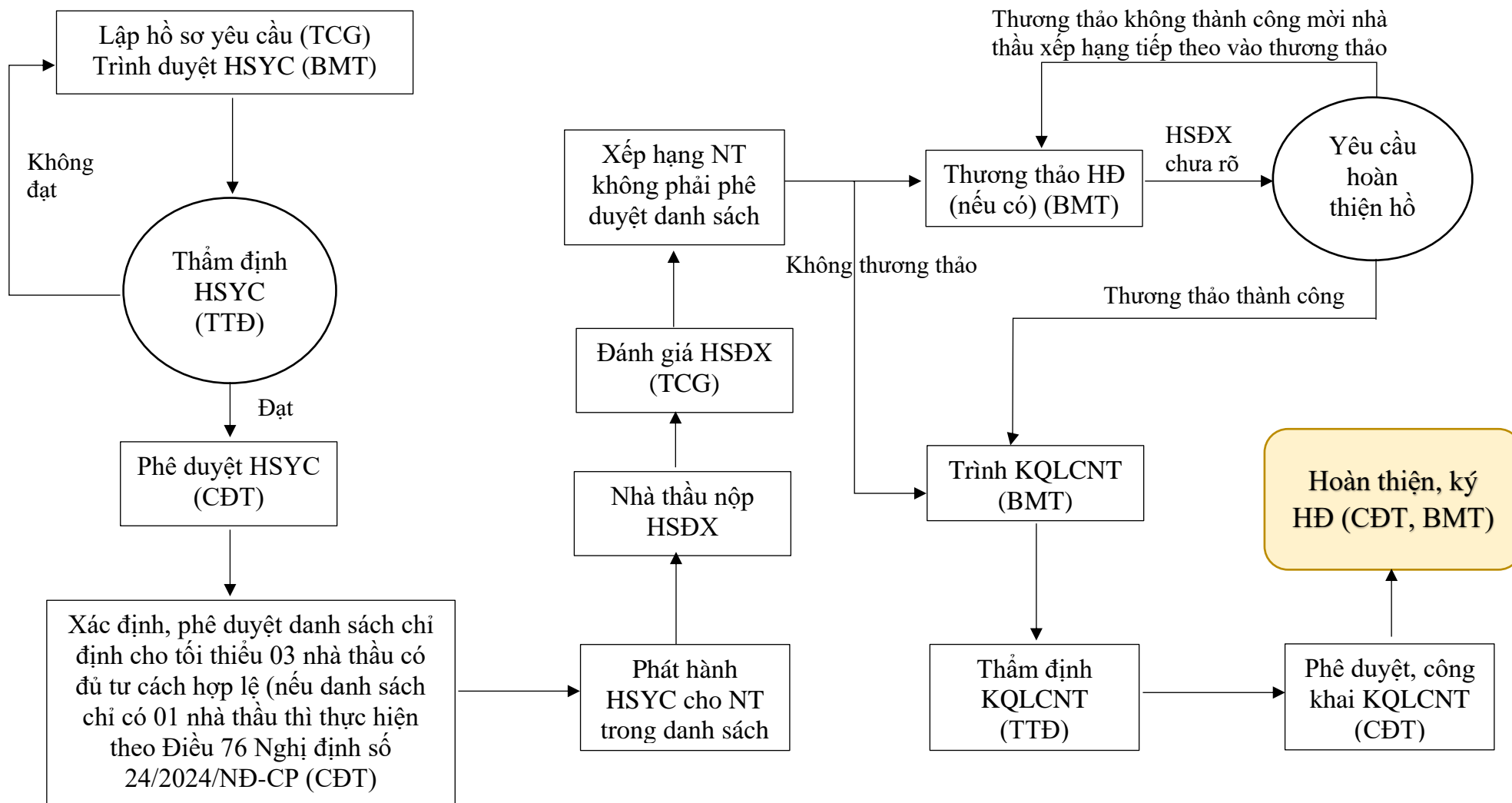


Hình 3.1. Quy trình đấu thầu rộng rãi - chào hàng cạnh tranh - Đấu thầu hạn chế (1 giai đoạn 1 túi hồ sơ)



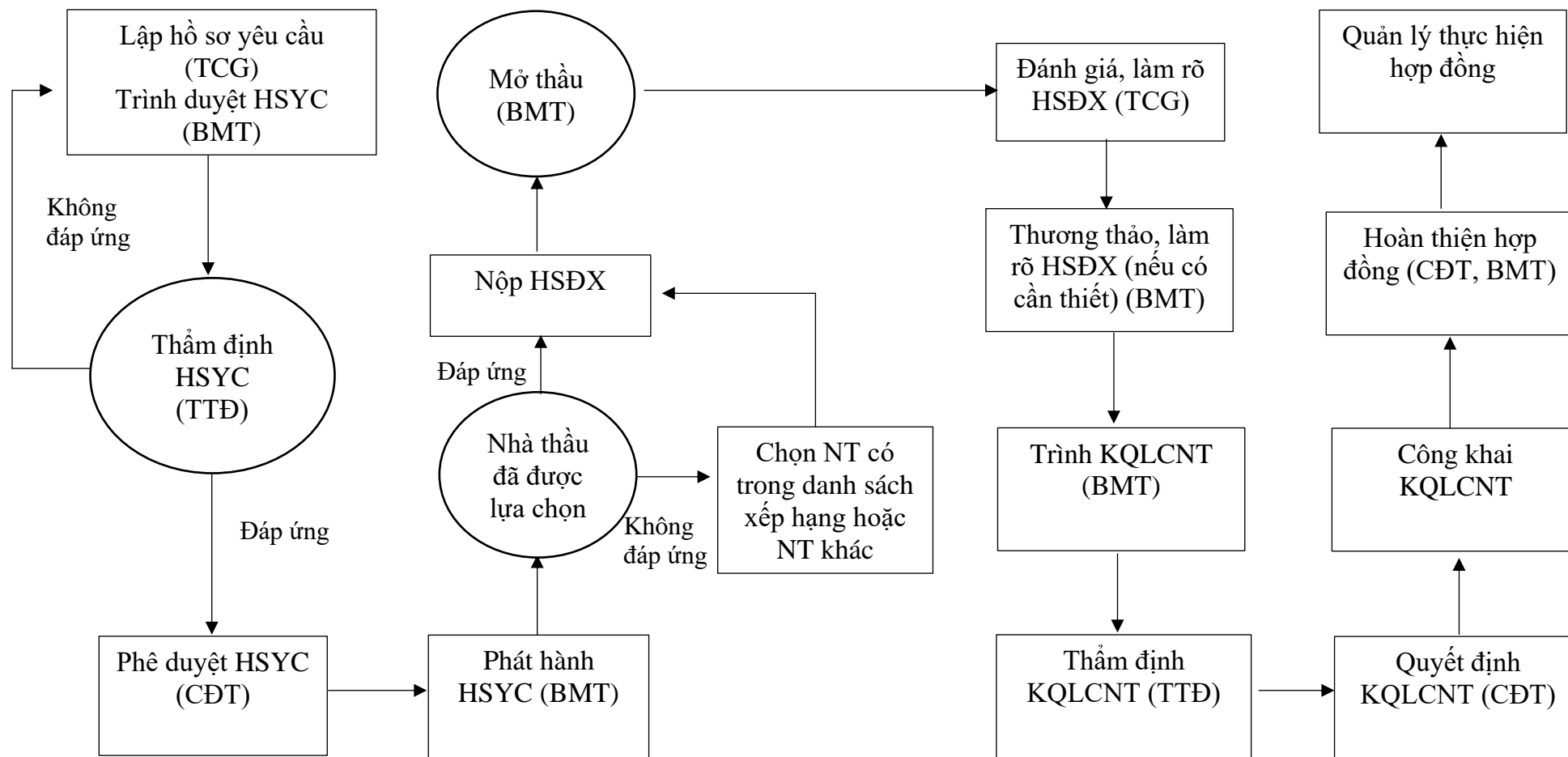
Hình 3.2. Quy trình chỉ định thầu thông thường cho một nhà thầu

(Điều 76 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP)



Hình 3.3. Quy trình chỉ định thầu thông thường cho nhiều hơn một nhà thầu

(Điều 77 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP)



Hình 3.4. Quy trình mua sắm trực tiếp

(Điều 80 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP)

4. Quy trình mua sắm trực tiếp

4.1. Mua sắm trực tiếp được áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa tương tự thuộc dự án, dự toán mua sắm của cùng một chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư khác và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây.

a) Nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó.

b) Chủ đầu tư chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các loại hàng hóa thuộc gói thầu và khối lượng từng hạng mục công việc nhỏ hơn 130% so với khối lượng hạng mục tương ứng thuộc gói thầu đã ký hợp đồng trước đó, không bao gồm khối lượng của tùy chọn mua thêm (nếu có).

c) Đơn giá của các phần việc thuộc gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó, đồng thời, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm hoàn thiện hợp đồng.

d) Thời gian từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng.

Trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng trước đó không có khả năng tiếp tục thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp thì được áp dụng mua sắm trực tiếp đối với nhà thầu khác nếu nhà thầu đó đáp ứng đủ các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật và giá theo hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó.

Chủ đầu tư chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các hàng hóa thuộc gói thầu dự kiến áp dụng mua sắm trực tiếp trong thời gian thực hiện dự án hoặc trong một năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm; đối với dự toán mua sắm, trường hợp gói thầu dự kiến áp dụng mua sắm trực tiếp có thời gian thực hiện dài hơn một năm thì chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các hàng hóa thuộc gói thầu đó trong tất cả các năm của dự toán mua sắm.

4.2. Nội dung chi tiết quy trình quy định tại Điều 80 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 như sau.

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu.

a) Lập hồ sơ yêu cầu

b) Thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu

2. Hồ sơ yêu cầu được phát hành cho nhà thầu đã được lựa chọn trước đó. Trường hợp nhà thầu này không có khả năng tiếp tục thực hiện hoặc không đồng ý thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp thì chủ đầu tư lựa chọn theo thứ tự ưu tiên: nhà thầu có tên trong danh sách xếp hạng của gói thầu trước đó, nhà thầu khác nếu đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

3. Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất căn cứ hồ sơ yêu cầu.

4. Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu.

5. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả mua sắm trực tiếp.

6. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng và quản lý thực hiện hợp đồng.

Quy trình mua sắm trực tiếp (Hình 3.4).

5. Quy trình tự thực hiện

Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu được tự thực hiện gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động hoặc ngành, nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu.

- Có năng lực kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu;

- Có phương án khả thi huy động nhân sự, máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực hiện gói thầu.

Chủ đầu tư trực tiếp tự thực hiện gói thầu hoặc giao đơn vị hạch toán phụ thuộc, phòng, ban thuộc tổ chức đó thực hiện.

Tổ chức, đơn vị hạch toán phụ thuộc được giao không được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác khối lượng công việc có giá trị từ 10% trở lên hoặc trên 50 tỷ đồng tính trên giá trị công việc quy định tại thỏa thuận giao việc.

Quy trình tự thực hiện như sau.

a. Chuẩn bị phương án tự thực hiện và dự thảo thỏa thuận giao việc, văn bản giao việc

Phương án tự thực hiện bao gồm yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc; giá trị, thời gian thực hiện; chất lượng công việc cần thực hiện; các điều kiện nghiệm thu, thanh toán; thỏa thuận giao việc hoặc văn bản giao việc đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc đơn vị thuộc mình (sau đây gọi là đơn vị được giao thực hiện gói thầu).

Việc chi trả lương, phụ cấp, chi phí quản lý và các chi phí khác do chủ đầu tư, đơn vị được giao thực hiện gói thầu thỏa thuận.

b. Hoàn thiện phương án tự thực hiện

Chủ đầu tư và đơn vị được giao thực hiện gói thầu thương thảo, hoàn thiện những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất trong phương án tự thực hiện, dự thảo thỏa thuận giao việc, văn bản giao việc và các nội dung cần thiết khác.

c. Phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

d. Ký kết thỏa thuận giao việc, quản lý việc thực hiện gói thầu

- Tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu tiến hành ký thỏa thuận giao việc với đơn vị được giao thực hiện gói thầu hoặc ban hành văn bản giao việc.

- Trường hợp pháp luật có quy định các nội dung công việc thuộc gói thầu phải được giám sát khi thực hiện thì tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu lựa chọn theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 một nhà thầu tư vấn giám sát độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với tổ chức đó để giám sát quá trình thực hiện gói thầu.

- Trường hợp pháp luật không có quy định hoặc không có tư vấn giám sát độc lập quan tâm hoặc không lựa chọn được tư vấn giám sát độc lập do gói thầu được thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, gói thầu có giá gói thầu dưới 01 tỷ đồng thì tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu phải tự tổ chức thực hiện giám sát.

6. Quy trình lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ tại địa phương

6.1. Tư cách hợp lệ của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ tại địa phương

a. Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ tại địa phương có tư cách hợp lệ để tham gia thực hiện các gói thầu quy định tại Điều 27 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 khi người dân thuộc cộng đồng dân cư, nhóm thợ hoặc các hội viên của tổ chức đoàn thể sinh sống, cư trú trên địa bàn triển khai gói thầu và được hưởng lợi từ gói thầu.

b. Người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không đang bị truy

cứu trách nhiệm hình sự, được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ lựa chọn để thay mặt cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ ký kết hợp đồng.

6.2. Quy trình

- Sau khi có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, chủ đầu tư dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, giá hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên.

- Chủ đầu tư niêm yết thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng để các cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể và nhóm thợ trên địa bàn biết. Thông báo cần ghi rõ thời gian họp bàn về phương án thực hiện gói thầu.

- Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ quan tâm nhận dự thảo hợp đồng để nghiên cứu và chuẩn bị hồ sơ năng lực bao gồm các nội dung: họ tên, độ tuổi, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với tính chất gói thầu của các thành viên tham gia thực hiện gói thầu.

- Chủ đầu tư tổ chức xem xét, lựa chọn cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể, nhóm thợ tốt nhất và mời đại diện thương thảo, ký kết hợp đồng.

Trường hợp chỉ có một cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể, nhóm thợ quan tâm thì xem xét giao cho cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể, nhóm thợ đó thực hiện. Trường hợp không thể giao cho cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể thực hiện hoặc không có cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể quan tâm thì giao cho nhóm thợ thực hiện.

- Thời hạn tối đa từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu đến khi ký kết hợp đồng là 30 ngày.

- Chủ đầu tư công khai kết quả lựa chọn cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể hoặc nhóm thợ được lựa chọn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã.

V. NGHIỆP VỤ ĐẤU THẦU QUA MẠNG

1. Khái niệm về đấu thầu qua mạng và giải thích thuật ngữ liên quan

1.1. Khái niệm đấu thầu qua mạng

Đấu thầu qua mạng là việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia là hệ thống công nghệ thông tin do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu xây dựng và quản

lý nhằm mục đích thống nhất quản lý thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia có địa chỉ:

<https://muasamcong.mpi.gov.vn>.

1.2. Giải thích thuật ngữ liên quan

1. E-TBMST là thông báo mời sơ tuyển qua mạng.
2. E-TBMQT là thông báo mời quan tâm qua mạng.
3. E-TBMT là thông báo mời thầu qua mạng.
4. E-HSMQT là hồ sơ mời quan tâm qua mạng.
5. E-HSQT là hồ sơ quan tâm qua mạng.
6. E-HSMST là hồ sơ mời sơ tuyển qua mạng.
7. E-HSDST là hồ sơ dự sơ tuyển qua mạng.
8. E-HSMT là hồ sơ mời thầu đối với đấu thầu rộng rãi qua mạng, đấu thầu hạn chế qua mạng, chào hàng cạnh tranh qua mạng.
9. E-HSDT là hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi qua mạng, đấu thầu hạn chế qua mạng, chào hàng cạnh tranh qua mạng.
10. E-HSĐXKT là hồ sơ đề xuất về kỹ thuật qua mạng.
11. E-HSĐXTC là hồ sơ đề xuất về tài chính qua mạng.
12. Văn bản điện tử là văn bản, thông tin được gửi, nhận và lưu trữ thành công trên Hệ thống, bao gồm.
 - a) Thông tin về dự án.
 - b) Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
 - c) E-TBMQT, E-TBMST, E-TBMT, thông báo mời thầu, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm.
 - d) Danh sách ngắn.
 - đ) E-HSMQT, E-HSQT, E-HSMST, E-HSDST, E-HSMT, E-HSDT, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; nội dung làm rõ E-HSMST, E-HSMQT, E-HSQT, E-HSDST, E-HSMT, E-HSDT, E-HSĐXKT, E-HSĐXTC, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu.
 - e) Thỏa thuận liên danh.
 - g) Biên bản mở thầu, biên bản mở E-HSĐXKT, biên bản mở E-HSĐXTC.

h) Báo cáo đánh giá E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT.

i) Kết quả lựa chọn nhà thầu.

k) Nội dung kiến nghị kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu qua mạng.

l) Văn bản dưới dạng điện tử khác được trao đổi trên Hệ thống.

13. Chứng thư số sử dụng trên Hệ thống là chứng thư số công cộng do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cấp.

14. Tài khoản tham gia Hệ thống là tài khoản do Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia cấp cho Tổ chức tham gia Hệ thống để thực hiện một hoặc một số vai trò.

15. Tài khoản nghiệp vụ là tài khoản được tạo bởi Tài khoản tham gia Hệ thống để thực hiện các nghiệp vụ trên Hệ thống.

2. Quy định chung về đấu thầu qua mạng

2.1. Áp dụng các Mẫu hồ sơ và Phụ lục kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT

2.1.1. Mẫu lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu gồm:

a) Mẫu số 01A được sử dụng để lập Tờ trình kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

b) Mẫu số 01B được sử dụng để lập Báo cáo thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

c) Mẫu số 01C được sử dụng để lập Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, trình, thẩm định, phê duyệt đối với các nội dung có sự thay đổi, điều chỉnh.

2.1.2. Mẫu lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gồm:

a) Mẫu số 02A được sử dụng để lập Tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Mẫu số 02B được sử dụng để lập Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

c) Mẫu số 02C được sử dụng để lập Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, trình, thẩm định, phê duyệt đối với các nội dung có sự thay đổi, điều chỉnh. Đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, khi đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì chỉ lập, trình, thẩm định, phê duyệt cho phần công việc này mà không phải lập, trình, thẩm định, phê duyệt lại cho phần công việc khác đã được phê duyệt trước đó. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, có thay đổi về thời gian thực hiện gói thầu so với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt thì không phải điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

2.1.3. Đối với gói thầu xây lắp:

a) Mẫu số 3A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.

b) Mẫu số 3B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 3C được sử dụng để lập E-HSMST.

2.1.4. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa (bao gồm cả trường hợp mua sắm tập trung)

a) Mẫu số 4A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.

b) Mẫu số 4B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

c) Mẫu số 4C được sử dụng để lập E-HSMST.

2.1.5. Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn.

a) Mẫu số 5A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.

b) Mẫu số 5B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

c) Mẫu số 5C được sử dụng để lập E-HSMST.

2.1.6. Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn.

a) Mẫu số 6A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

b) Mẫu số 6B được sử dụng để lập E-HSMQT.

c) Mẫu số 6C được sử dụng để lập các biểu mẫu dành cho tư vấn cá nhân.

2.1.7. Đối với Mẫu báo cáo đánh giá.

a) Mẫu số 7A được sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSDT theo quy trình 01 quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.

b) Mẫu số 7B được sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSDT theo quy trình 02 quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.

c) Mẫu số 7C được sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSDT cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

d) Mẫu số 7D được sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSDT cho gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

2.1.8. Phụ lục:

a) Phụ lục 1A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá E-HSDXKT (đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ).

b) Phụ lục 1B: Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ).

c) Phụ lục 2A: Mẫu Kết quả đối chiếu tài liệu (đối với tất cả các gói thầu).

d) Phụ lục 2B: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, phi tư vấn áp dụng thương thảo hợp đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 43 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15).

đ) Phụ lục 2C: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu dịch vụ tư vấn);

e) Phụ lục 3A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

- g) Phụ lục 3B: Mẫu Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- h) Phụ lục 4: Mẫu Bản cam kết;
- i) Phụ lục 5: Phiếu đăng ký thông tin văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu;
- j) Phụ lục 6: Phiếu thông báo thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam;
- k) Phụ lục 7: Phiếu thông báo thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;
- l) Phụ lục 8: Một số hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

2.2. Quy định về định dạng của tệp tin (file) đính kèm

2.2.1. Tệp tin (file) đăng tải trên Hệ thống phải bảo đảm.

a) Các file mở, đọc được bằng các phần mềm thông dụng như: Các phần mềm đọc, soạn thảo văn bản MS Office hoặc Open Office; các phần mềm đọc file PDF; các phần mềm thiết kế thông dụng như AutoCad, Photoshop; phần mềm đọc file ảnh tích hợp sẵn trên Hệ điều hành Windows. Các file sử dụng phông chữ thuộc bảng mã Unicode.

b) Các file nén mở được bằng các phần mềm giải nén thông dụng như phần mềm giải nén ZIP tích hợp sẵn trên hệ điều hành Windows hoặc phần mềm giải nén Rar hoặc 7Zip. Trường hợp sử dụng file nén, các file sau khi giải nén phải có định dạng theo quy định.

c) Không bị nhiễm virus, không bị lỗi, hỏng và không thiết lập mật khẩu.

2.2.2. Trường hợp file đính kèm trong hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời thầu, E-HSMT không đáp ứng quy định tại mục 2.2.1 nêu trên hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể mở hoặc không đọc được thì bên mời thầu phải đăng tải và phát hành lại toàn bộ hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời thầu, E-HSMT.

2.2.3. Trường hợp file đính kèm trong E-HSDT, E-HSQT, E-HSDST không đáp ứng yêu cầu quy định tại mục 2.2.1 nêu trên dẫn đến không thể mở hoặc không đọc được thì các file này không được xem xét, đánh giá.

2.3. Xử lý kỹ thuật trong trường hợp Hệ thống gặp sự cố ngoài khả năng kiểm soát

- Trường hợp gặp sự cố dẫn đến Hệ thống không thể vận hành thì các gói thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng có thời điểm đóng thầu, thời điểm hết hạn làm

rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT trong thời gian từ khi Hệ thống bị sự cố cho đến thời điểm sau hoàn thành khắc phục sự cố 02 giờ sẽ được Hệ thống tự động gia hạn đến thời điểm đóng thầu mới, thời điểm hết hạn làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT mới là sau 06 giờ kể từ thời điểm hoàn thành khắc phục sự cố.

- Trường hợp thời điểm đóng thầu mới và thời điểm hết hạn làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT mới nêu trên sau 17 giờ 00 phút và trước 11 giờ 00 phút ngày tiếp theo thì Hệ thống tự động gia hạn đến 11 giờ 00 phút của ngày tiếp theo.

- Trường hợp Hệ thống tự động gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định nêu trên thì việc đánh giá E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT được thực hiện trên cơ sở thời điểm đóng thầu nêu trong E-TBMQT, E-TBMST, E-TBMT trước thời điểm Hệ thống gặp sự cố.

- Trường hợp gặp sự cố dẫn đến Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia không thể vận hành và việc khắc phục sự cố dự kiến diễn ra trong thời hạn dài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về cách thức tổ chức lựa chọn nhà thầu trong thời gian Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia gặp sự cố và xử lý sự cố, bao gồm việc tổ chức lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

2.4. Quản lý tài khoản và sử dụng chứng thư số

a. Tạo lập tài khoản nghiệp vụ.

Tài khoản tham gia Hệ thống tạo, phân quyền cho Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với các vai trò của Tổ chức tham gia Hệ thống; khóa, mở khóa; thiết lập lại mật khẩu, hình thức xác thực, thiết bị xác thực đăng nhập cho Tài khoản nghiệp vụ.

b. Sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

a) Tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư số khi tham gia Hệ thống phải đăng ký sử dụng chứng thư số theo Hướng dẫn sử dụng. Chứng thư số sử dụng trên Hệ thống là chứng thư số được cấp cho tổ chức, cá nhân.

b) Chứng thư số được sử dụng để tạo chữ ký số và xác thực tổ chức, cá nhân.

c) Việc đăng ký sử dụng, thay đổi, hủy thông tin chứng thư số của Tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống thực hiện trên Hệ thống theo Hướng dẫn sử dụng.

d) Tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống có trách nhiệm đảm bảo tính chính xác của chứng thư số sử dụng trên Hệ thống.

2.5. Các loại chi phí và mức thu

a) Chi phí duy trì tên và hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia là 330.000 đồng cho 01 năm (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Nhà thầu nộp chi phí này kể từ năm thứ hai trở đi sau năm đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

b) Chi phí nộp hồ sơ dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia là: 330.000 đồng cho 01 gói thầu (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường; 220.000 đồng cho 01 gói thầu (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) đối với chào hàng cạnh tranh.

c) Chi phí đối với nhà thầu trúng thầu của gói thầu đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường áp dụng đấu thầu qua mạng.

Đối với gói thầu không chia phần: tính bằng 0,022% giá trúng thầu nhưng tối đa là 2.200.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Đối với gói thầu chia thành nhiều phần, tổng chi phí nhà thầu trúng thầu đối với tất cả các nhà thầu trúng thầu không vượt mức tối đa là 2.200.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Trường hợp giá trị của 0,022% nhân với tổng giá trúng thầu của gói thầu thấp hơn hoặc bằng 2.200.000 đồng thì chi phí nhà thầu trúng thầu của mỗi nhà thầu được tính bằng 0,022% tổng giá trị trúng thầu đối với các phần mà nhà thầu trúng thầu. Trường hợp giá trị của 0,022% nhân với tổng giá trúng thầu của gói thầu vượt mức 2.200.000 đồng thì chi phí nhà thầu trúng thầu của mỗi nhà thầu được tính theo công thức sau.

Chi phí nhà thầu trúng thầu (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) = 2.200.000 đồng x (tổng giá trị trúng thầu đối với các phần mà nhà thầu trúng thầu/tổng giá trúng thầu của gói thầu).

d) Chi phí kết nối chức năng bảo lãnh dự thầu điện tử giữa Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia với các tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa đơn vị vận hành, giám sát Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và các tổ chức, doanh nghiệp này.

3. Quy trình lựa chọn nhà thầu qua mạng

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 23, 24, 25, 35, 36, 37, 60, 61 và 62 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

a) Đối với các nội dung yêu cầu trong bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm trong hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu của gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, chủ đầu tư, bên mời thầu không được đính kèm các file yêu cầu khác ngoài các nội dung đã được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

b) Đối với các nội dung yêu cầu trong bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu của gói thầu dịch vụ tư vấn, chủ đầu tư, bên mời thầu không được đính kèm các file yêu cầu khác ngoài các nội dung đã được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 23, 24, 35, 36, 60 và 61 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

3. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7 và 8 Điều 27, khoản 1 Điều 39 và khoản 1, khoản 2 Điều 64 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, sử dụng phương pháp giá thấp nhất và các hồ sơ dự thầu không có bất kỳ ưu đãi nào thì Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự động xếp hạng nhà thầu theo giá dự thầu; việc đánh giá hồ sơ dự thầu có thể được thực hiện đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất. Trường hợp nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì đánh giá đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

4. Việc làm rõ hồ sơ dự thầu được thực hiện thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5 Điều 28 và các khoản 1, 3, 4, 5 Điều 65 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

5. Việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại Điều 29 và Điều 66 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

6. Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo lộ trình quy định tại điểm d khoản 8 dưới đây.

7. Nhà thầu có trách nhiệm theo dõi, cập nhật các thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với gói thầu mà nhà thầu quan tâm hoặc tham dự. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

8. Việc lựa chọn nhà thầu qua mạng từ ngày Nghị định số 24/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thực hiện theo lộ trình sau:

a) Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ (100%) gói thầu thuộc dự án đầu tư áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước thuộc lĩnh vực hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 500 tỷ đồng, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ, đấu thầu quốc tế.

b) Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng trong năm phải bảo đảm tổng số lượng gói thầu đạt tối thiểu 95% số lượng gói thầu và tối thiểu 90% tổng giá trị gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ, đấu thầu quốc tế.

c) Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ (100%) gói thầu thuộc dự toán mua sắm áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ, đấu thầu quốc tế;

d) Đối với gói thầu áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng, việc phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

9. Các trường hợp không đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quy định tại khoản 5 Điều 50 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 bao gồm.

a) Gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ, đấu thầu quốc tế.

b) Gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, tự thực hiện, đàm phán giá, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, gói thầu có sự tham gia của cộng đồng, lựa chọn tư vấn cá nhân theo quy trình rút gọn. Đối với các hình thức lựa chọn nhà thầu này, việc ký hợp đồng điện tử được thực hiện trên cơ sở phù hợp với tính năng và sự phát triển của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

c) Dự án, dự toán mua sắm, gói thầu có các nội dung được bảo mật mà việc công khai thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sẽ ảnh hưởng tới lợi ích cộng đồng hoặc gây nguy hại đến trật tự, an toàn xã hội hoặc gây nguy hại tới quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ.

Trường hợp việc công khai các thông tin về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 8 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 có thể dẫn đến các hậu quả nêu trên, chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu về việc không tổ chức đấu thầu qua mạng.

Trường hợp một số thông tin trong dự án, dự toán mua sắm, gói thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu cần bảo mật và các thông tin còn lại vẫn được công khai thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền về cách thức cung cấp thông tin. Các thông tin cần bảo mật không phải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; các thông tin khác được tiếp tục đăng tải và tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng.

d) Gói thầu vượt quá khả năng đáp ứng về hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

4. Chào giá trực tuyến

4.1. Điều kiện áp dụng chào giá trực tuyến

1. Chào giá trực tuyến bao gồm chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường và chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn.

2. Chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường được áp dụng trong các trường hợp sau đây.

a) Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản.

b) Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng; có sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp; tiêu chuẩn đánh giá quan trọng nhất là giá, không có hoặc ít có yếu tố tác động của chi phí vòng đời.

c) Nhóm hàng hóa, dịch vụ có thể áp dụng chào giá trực tuyến bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu xây dựng cơ bản (quặng sắt, cốt liệu đường, vật liệu xây dựng, ống đồng và các nguyên liệu khác); thiết bị công nghệ thông tin đã được chuẩn hóa gồm máy tính, hộp mực, các modem và các thiết bị khác; giấy in, giấy photocopy, vật tư đơn giản, bóng đèn; mua quyền sử dụng phần mềm thương mại; năng lượng, than hoặc khí đốt; hóa chất; dịch vụ vận chuyển; dịch vụ vệ sinh; dịch vụ bảo trì; các hàng hóa, dịch vụ khác đáp ứng quy định tại điểm a và điểm b nêu trên.

3. Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn được áp dụng trong một hoặc các trường hợp sau đây.

a) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn có giá trị không quá 300 triệu đồng đối với dự toán mua sắm.

b) Gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công, bao gồm: gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 01 tỷ đồng.

c) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn phải mua của hãng sản xuất cụ thể để bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của hãng sản xuất mà không thể mua của hãng sản xuất khác và có nhiều nhà thầu có khả năng cung cấp.

4.2. Nguyên tắc chào giá trực tuyến

1. Nhà thầu có thể liên tục thay đổi mức giá, các yếu tố khác ngoài giá (nếu có) trong thời gian chào giá trực tuyến. Mức giá, các yếu tố khác ngoài giá (nếu có) do các nhà thầu chào được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được công khai trong quá trình chào giá, trừ tên nhà thầu. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự động xếp hạng và công khai thứ tự xếp hạng của nhà thầu tương ứng với mức giá, các yếu tố khác ngoài giá (nếu có) trong thời gian chào giá trực tuyến; thời gian còn lại của quá trình chào giá trực tuyến.

2. Trường hợp giá dự thầu là yếu tố duy nhất được phép chào lại và gói thầu đánh giá theo phương pháp giá thấp nhất mà có nhiều nhà thầu cùng chào giá thấp nhất thì nhà thầu chào giá đầu tiên thấp nhất trúng thầu.

3. Trường hợp không sử dụng phương pháp giá thấp nhất, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự động xếp hạng nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu mà có nhiều nhà thầu cùng xếp hạng thứ nhất thì nhà thầu xếp hạng thứ nhất đầu tiên trúng thầu.

4. Thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến phải trong giờ hành chính.

5. Giá chào không được cao hơn giá gói thầu và không được cao hơn giá chào thấp nhất đối với trường hợp giá là yếu tố duy nhất được chào lại. Trường hợp giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của tất cả nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật vượt giá gói thầu và không có nhà thầu nào tham gia chào giá trực tuyến đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường thì chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại điểm b hoặc điểm c hoặc điểm d khoản 8 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

4.3. Quy trình chào giá trực tuyến thông thường

Theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, quy định việc tổ chức chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường được thực hiện tại bước đánh giá về tài chính, làm căn cứ để so sánh hồ sơ dự thầu và xếp hạng nhà thầu. Theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 100 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, quy trình Chào giá trực tuyến thông thường được thực hiện theo các bước như sau:

Bước 1: Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu

Bên mời thầu tiến hành lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, hồ sơ mời thầu bao gồm các nội dung dưới đây.

a) Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được duyệt (nếu có).

b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.

c) Tài liệu về thiết kế, bản vẽ, thuyết minh về gói thầu (nếu có).

d) Các yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu gồm: đặc tính, thông số kỹ thuật, yêu cầu công nghệ, chất lượng dịch vụ, yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và các yêu cầu về kỹ thuật khác (nếu có).

đ) Các quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật liên quan; điều ước quốc tế, thỏa thuận vay (nếu có) đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi.

e) Quy định của pháp luật về thuế, phí, ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu.

g) Các căn cứ liên quan khác.

Ngoài ra, hồ sơ mời thầu còn phải bao gồm tối thiểu các thông tin sau liên quan đến quá trình chào giá trực tuyến (quy định tại khoản 3 Điều 100 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP):

a) Thông báo về việc áp dụng chào giá trực tuyến trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

b) Các yếu tố khác ngoài giá mà nhà thầu được phép thay đổi (nếu có) và công thức quy đổi để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Bước 2: Tổ chức lựa chọn nhà thầu

Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Bao gồm các quy định về Mời thầu; Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu; Mở thầu.

Bước 3: Đánh giá hồ sơ dự thầu và tổ chức chào giá trực tuyến

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại Điều 97 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Sau khi đánh giá hồ sơ dự thầu xong, dựa trên danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được thẩm định, phê duyệt, bên mời thầu sẽ gửi thông báo mời tham gia chào giá trực tuyến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc, trước ngày có thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến. Thông báo mời tham gia chào giá trực tuyến bao gồm các nội dung sau.

- Thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến.

- Nguyên tắc xếp hạng nhà thầu, bao gồm cả công thức toán học được sử dụng trong quá trình chào giá trực tuyến (nếu có) để tự động xếp hạng nhà thầu trên cơ sở mức giá nhà thầu chào cùng với các yếu tố khác trong phiên chào giá trực tuyến.

- Bước giá (mức chênh lệch tối thiểu của lần chào giá sau so với lần chào giá trước liền kề);

- Thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến.

- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

Nhà thầu quyết định việc tham gia chào giá trực tuyến theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu được mời tham gia chào giá trực tuyến nhưng không tham gia thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu sẽ tiếp tục được đánh giá về tài chính căn cứ theo hồ sơ dự thầu đã nộp trước thời điểm đóng thầu.

Bước 4: Ghi nhận kết quả chào giá trực tuyến

- Nhà thầu tham gia chào giá trực tuyến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thời gian chào giá trực tuyến tối thiểu là 03 giờ kể từ thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến.

- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ghi nhận giá chào cuối cùng của từng nhà thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và danh sách xếp hạng nhà thầu.

- Việc xét duyệt trúng thầu thực hiện theo quy định tại Điều 61 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 căn cứ vào giá dự thầu và các yếu tố ngoài giá (nếu có) tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến của nhà thầu xếp thứ nhất.

Bước 5: Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Bước 6: Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 32 và Điều 33 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

4.4. Quy trình chào giá trực tuyến rút gọn

Theo quy định tại Điều 101 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, quy trình Chào giá trực tuyến rút gọn được thực hiện theo các bước như sau.

Bước 1: Chuẩn bị thông báo mời thầu

Dựa trên cơ sở kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, bên mời thầu chuẩn bị Thông báo mời thầu. Bao gồm các thông tin sau đây.

a) Yêu cầu cụ thể về xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thời gian giao hàng, bảo hành và các nội dung cần thiết khác (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa; phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành dịch vụ và các nội dung cần thiết khác (nếu có) đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn.

b) Thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến, nguyên tắc xếp hạng nhà thầu, bước giá, thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và các thông tin liên quan khác (nếu có).

c) Không nêu yêu cầu về bảo đảm dự thầu.

Bước 2: Đăng tải thông báo mời thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Sau khi chủ đầu tư phê duyệt thông báo mời thầu, bên mời thầu đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến. Thời gian chào giá trực tuyến tối thiểu là 24 giờ kể từ thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến.

Bước 3: Tham gia chào giá trực tuyến

Nhà thầu tham gia chào giá trực tuyến trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để chào giá cho các nội dung xác định trong thông báo mời thầu và được chào giá theo thời hạn quy định trong thông báo mời thầu.

Để tham gia chào giá trực tuyến, nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu đáp ứng các yêu cầu trong thông báo mời thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết thì bị xử lý theo đúng cam kết trong đơn dự thầu (công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và khóa tài khoản trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư), trừ trường hợp bất khả kháng.

Bước 4: Ghi nhận kết quả chào giá trực tuyến

a) Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ghi nhận giá chào cuối cùng của từng nhà thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và danh sách xếp hạng nhà thầu;

b) Việc xét duyệt trúng thầu thực hiện theo quy định tại Điều 61 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 căn cứ vào giá dự thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến của nhà thầu xếp thứ nhất.

Bước 5: Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Bước 6: Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 32 và Điều 33 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

5. Mua sắm trực tuyến

5.1. Hình thức mua sắm trực tuyến

- Mua sắm trực tuyến phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu và được áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ của gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu không quá 100 triệu đồng; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công có giá gói thầu không quá 01 tỷ đồng.

- Thời gian áp dụng mua sắm trực tuyến đối với các hạng mục trong danh mục hàng hóa, dịch vụ mua sắm tập trung là thời gian thực hiện hợp đồng trong trường hợp không ký thỏa thuận khung nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc thời gian có hiệu lực của thỏa thuận khung.

5.2. Quy trình mua sắm trực tuyến

- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự động trích xuất thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm tập trung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm trực tuyến.

- Căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ nêu trên, chủ đầu tư, bên mời thầu có nhu cầu mua sắm trực tuyến đặt mua hàng hóa, dịch vụ trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung đơn hàng đối với từng hàng hóa, dịch vụ bao gồm: số lượng, khối lượng; phương thức vận chuyển và đơn giá vận chuyển (nếu có); đơn giá của hàng hóa, dịch vụ; phương thức thanh toán; địa điểm giao hàng hoặc địa điểm thực hiện; các thông tin cần thiết khác.

- Đối với mỗi yêu cầu đặt hàng, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự động gửi thông báo cho nhà thầu đã trúng thầu trong mua sắm tập trung trước đó. Nhà thầu có trách nhiệm xác nhận đơn hàng hoặc từ chối đơn hàng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu đặt hàng.

- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hiển thị thông báo về việc xác nhận đơn hàng hoặc từ chối đơn hàng của nhà thầu và gửi thông báo đến đơn vị đặt mua.

- Công khai kết quả mua sắm trực tuyến.
- Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 32 và Điều 33 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Nhà thầu quản lý các đơn hàng đã xác nhận và chịu trách nhiệm cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

5.3. Thông tin hàng hóa, dịch vụ được mua sắm trực tuyến

Trường hợp điều chỉnh giảm giá hàng hóa, dịch vụ so với quy định trong thỏa thuận khung, hợp đồng đã ký trước đó, nhà thầu thông báo cho đơn vị mua sắm tập trung và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tối thiểu 05 ngày trước thời điểm điều chỉnh giảm giá hàng hóa, dịch vụ.

6. Trách nhiệm của các bên tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

6.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 78 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

2. Đăng tải thông tin về dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; kết quả lựa chọn nhà thầu; thông tin chủ yếu của hợp đồng; thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu; thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu. Trường hợp thuê tư vấn đấu thầu để làm Bên mời thầu thì chủ đầu tư vẫn phải chịu trách nhiệm đăng tải các thông tin này.

3. Đăng tải trên Hệ thống thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam; việc đăng tải thực hiện theo Hướng dẫn sử dụng. Thông tin được gửi đồng thời đến Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống khi đăng nhập bằng Tài khoản tham gia Hệ thống của mình.

5. Kiểm tra và xác nhận việc đăng tải các thông tin của mình trên Hệ thống.

6. Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc phân quyền cho các Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với vai trò của mình; quản lý việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

6.2. Trách nhiệm của bên mời thầu

1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 79 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

2. Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông tin về thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển; thông báo mời thầu; danh sách ngắn; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có). Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải các thông tin về thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển; thông báo mời thầu; danh sách ngắn bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Đối với thông tin về hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có), bên mời thầu đăng tải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm về tính thống nhất của tài liệu đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt. Trường hợp có sự sai khác giữa tài liệu được đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt thì tài liệu đăng tải trên Hệ thống là cơ sở pháp lý để thực hiện.

4. Theo dõi, cập nhật các thông tin đã đăng tải trên Hệ thống và các thông tin mà Hệ thống phản hồi.

5. Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc phân quyền cho các Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với vai trò của mình; quản lý việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

6.3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Đăng ký tham gia Hệ thống để bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định (Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu).

2. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 82 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

3. Quản lý tài khoản tham gia Hệ thống, chứng thư số đăng ký trên Hệ thống.

VI. HỢP ĐỒNG

1. Một số vấn đề chung về hợp đồng

1.1. Phân loại hợp đồng

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 phân chia hợp đồng thành các loại.

1.1.1. Hợp đồng trọn gói.

- Hợp đồng trọn gói được áp dụng đối với gói thầu mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu, phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện gói thầu được xác định rõ, ít có khả năng thay đổi về khối lượng, yêu cầu kỹ thuật, các điều kiện không lường trước được; gói thầu chưa thể xác định được rõ khối lượng, đơn giá nhưng các bên tham gia hợp đồng xác định được khả năng quản lý rủi ro, quản lý thay đổi phát sinh hoặc xác định được các tính chất, đặc điểm của sản phẩm đầu ra, bao gồm cả hợp đồng EPC và hợp đồng chìa khóa trao tay.

- Khi áp dụng hợp đồng trọn gói, giá gói thầu làm căn cứ xét duyệt trúng thầu bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu trong gói thầu. Giá dự thầu phải bao gồm tất cả chi phí cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm của nhà thầu trong việc thực hiện gói thầu.

- Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi;

- Việc thanh toán được thực hiện theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với giai đoạn thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

1.1.2. Hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Hợp đồng theo đơn giá cố định được áp dụng đối với gói thầu mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu bản chất công việc đã xác định được rõ ràng nhưng chưa xác định được chính xác số lượng, khối lượng công việc thực tế phải hoàn thành. Giá hợp đồng ban đầu dựa trên số lượng, khối lượng công việc, đơn giá cố định theo hợp đồng và chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh được xác định theo quy định của pháp luật.

- Hợp đồng theo đơn giá cố định có đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Nhà thầu được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu và đơn giá cố định quy định tại hợp đồng.

1.1.3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

- Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh được áp dụng đối với gói thầu có thời gian thực hiện dài và có rủi ro biến động giá đối với các chi phí đầu vào để thực hiện hợp đồng, có thể tác động tiêu cực đến việc thực hiện gói thầu nếu áp dụng đơn giá cố định. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh có đơn giá, giá hợp đồng có thể được điều chỉnh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Giá hợp đồng ban đầu dựa trên cơ sở số lượng, khối lượng công việc cần thiết với đơn giá cơ sở theo hợp đồng và chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh, chi phí dự phòng trượt giá. Nội dung hợp đồng phải quy định phương pháp tính trượt giá và chi phí dự phòng trượt giá theo quy định của pháp luật.

- Nhà thầu được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu và đơn giá quy định tại hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh (nếu có).

1.1.4. Hợp đồng theo thời gian.

Hợp đồng theo thời gian có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; sửa chữa, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị; dịch vụ tư vấn khi khó xác định được phạm vi và thời gian thực hiện dịch vụ. Giá hợp đồng được tính trên cơ sở đơn giá cho đơn vị thời gian, mức lương đã thỏa thuận theo giờ, ngày, tuần hoặc tháng nêu trong hợp đồng và chi phí phát sinh hợp lý có thể bồi hoàn.

1.1.5. Hợp đồng theo chi phí cộng phí:

Hợp đồng theo chi phí cộng phí được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu chưa đủ cơ sở xác định phạm vi công việc, nhu cầu cần thiết về các yếu tố, chi phí đầu vào để thực hiện các công việc dự kiến của hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên thỏa thuận về chi phí quản lý, chi phí chung, lợi nhuận, phương pháp tính theo chi phí trực tiếp; phương pháp xác định chi phí trực tiếp làm căn cứ để tính toán chi phí trực tiếp và các nội dung khác để thực hiện hợp đồng.

1.1.6. Hợp đồng theo kết quả đầu ra.

Hợp đồng theo kết quả đầu ra được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà việc thanh toán căn cứ vào kết quả thực hiện hợp đồng được nghiệm thu về chất lượng, số lượng và các yếu tố khác. Hợp đồng phải nêu rõ yêu cầu cụ thể về số lượng, chất lượng đầu ra, biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng

về chất lượng đầu ra, mức giảm trừ thanh toán, quy định về điều chỉnh giá (nếu có) và các nội dung khác để thực hiện hợp đồng.

1.1.7. Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm.

Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm chỉ có thể áp dụng cho gói thầu bảo hiểm công trình mà giá trị hợp đồng được xác định chính xác trên cơ sở giá trị công trình thực tế được nghiệm thu.

1.1.8. Hợp đồng hỗn hợp.

Hợp đồng hỗn hợp là hợp đồng có nội dung kết hợp các loại hợp đồng nêu trên. Hợp đồng hỗn hợp phải quy định rõ phạm vi công việc áp dụng đối với từng loại hợp đồng tương ứng và các nội dung bổ sung, điều chỉnh liên quan khi áp dụng đồng thời nhiều loại hợp đồng đối với một nội dung công việc, dịch vụ. Việc thanh toán đối với hợp đồng hỗn hợp phải phù hợp với quy định thanh toán theo từng loại hợp đồng cho phạm vi công việc thực hiện.

1.2. Hợp đồng đối với nhà thầu được lựa chọn

- Hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư (hoặc đơn vị được ủy quyền) với nhà thầu là hợp đồng dân sự và được xác lập bằng văn bản. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền (sau đây gọi là đại diện hợp pháp) của nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng; đối với nhà thầu liên danh, đại diện hợp pháp của các thành viên liên danh chịu trách nhiệm ký hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15. Hợp đồng đã được các bên ký kết, có hiệu lực và phù hợp với quy định của pháp luật là cơ sở pháp lý cao nhất ràng buộc trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng và để giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có).

Nội dung của hợp đồng phải được lập theo mẫu quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đồng thời phù hợp với kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), kết quả hoàn thiện hợp đồng, kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở yêu cầu của gói thầu và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

- Khi ký kết hợp đồng, văn bản hợp đồng phải đảm bảo phù hợp với các nội dung sau.

(1) Điều kiện chung của hợp đồng, điều kiện cụ thể của hợp đồng trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;

(2) Các nội dung đề xuất của nhà thầu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất được chủ đầu tư chấp thuận và các nội dung thống nhất giữa hai bên trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng.

(3) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

(4) Quy định của pháp luật.

- Việc quản lý chất lượng hàng hóa, dịch vụ; đồng tiền và hình thức thanh toán hợp đồng; tạm ứng; thanh toán hợp đồng; nguyên tắc thanh toán, thanh lý hợp đồng thực hiện theo quy định.

2. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng

- Các bên ký kết hợp đồng có trách nhiệm thực hiện theo hợp đồng đã ký kết.

- Bảo đảm trung thực, hợp tác và đúng pháp luật.

- Không xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, cộng đồng và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

3. Hồ sơ hợp đồng

- Hồ sơ hợp đồng với nhà thầu bao gồm các tài liệu sau đây.

+ Văn bản hợp đồng.

+ Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

+ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Ngoài các tài liệu nêu trên, tùy theo quy mô, tính chất của gói thầu, hồ sơ hợp đồng có thể bao gồm một hoặc một số tài liệu sau đây.

+ Biên bản hoàn thiện hợp đồng.

+ Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có).

+ Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể.

+ Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu được lựa chọn.

+ Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

+ Tài liệu khác có liên quan.

4. Điều kiện ký kết hợp đồng

- Tại thời điểm ký kết, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, tại thời điểm ký kết, thỏa thuận khung còn hiệu lực.

- Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

- Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

5. Sửa đổi hợp đồng

Sửa đổi hợp đồng là việc chủ đầu tư, nhà thầu thống nhất sửa đổi, bổ sung một hoặc một số nội dung so với quy định trong hợp đồng đã ký.

Việc sửa đổi hợp đồng chỉ được thực hiện trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực; Việc sửa đổi hợp đồng được áp dụng đối với tất cả loại hợp đồng và phải được thực hiện bằng văn bản sửa đổi hợp đồng.

(1) Các trường hợp sửa có thể thực hiện sửa đổi hợp đồng.

- Các trường hợp do các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Khi có sự thay đổi về chính sách, pháp luật làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng.

+ Sự kiện bất khả kháng.

+ Thay đổi phương thức vận chuyển, địa điểm giao hàng, dịch vụ liên quan đối với gói thầu mua sắm hàng hóa.

+ Bổ sung khối lượng, số lượng công việc thuộc tùy chọn mua thêm ngoài khối lượng, số lượng nêu trong hợp đồng. Trong trường hợp này, văn bản sửa đổi hợp đồng phải quy định rõ khối lượng, giá trị, thời gian giao hàng hoặc thời gian hoàn thành dịch vụ đối với công việc bổ sung và các nội dung cần thiết khác. Thời gian giao hàng hoặc thời gian hoàn thành dịch vụ cho khối lượng công việc bổ sung có thể ngoài thời gian thực hiện hợp đồng ban đầu nhưng phải được người có thẩm quyền cho phép. Chủ đầu tư được áp dụng tùy chọn mua thêm nhiều lần nhưng không vượt mức tối đa nêu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Trường hợp tại thời điểm áp dụng tùy chọn mua thêm có sự thay đổi về chính sách thuế giá trị gia tăng thì đơn giá hàng hóa, dịch vụ (bao gồm thuế giá trị gia tăng) thuộc tùy chọn mua thêm không được vượt giá trị trước thuế của hàng hóa, dịch vụ trong hợp đồng đã ký cộng với thuế giá trị gia tăng tại thời điểm áp dụng tùy chọn mua thêm.

+ Thay đổi về thiết kế được duyệt.

+ Một hoặc các bên đề xuất các sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư.

+ Thay đổi tiến độ hợp đồng.

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên, bao gồm khối lượng, giá và các nội dung khác.

- Trường hợp hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự.

- Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của chủ đầu tư.

(2) Nội dung sửa đổi hợp đồng có thể bao gồm: khối lượng, tiến độ, giá, áp dụng tùy chọn mua thêm và các nội dung khác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp không phải ký văn bản sửa đổi hợp đồng. Đối với việc sửa đổi về tiến độ, khối lượng, giá chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện gói thầu ghi trong hợp đồng, trừ trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm.

(3) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây.

- Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;

- Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng.

- Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư.

- Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu.

- Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu.

(4). Khi sửa đổi hợp đồng làm thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng hoặc vượt giá gói thầu (bao gồm dự phòng) được duyệt thì phải được người có thẩm quyền cho phép. Giá hợp đồng sau khi điều chỉnh phải bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm. Trường hợp dự án, dự toán mua sắm gồm nhiều gói thầu, tổng giá hợp đồng sau khi điều chỉnh phải bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm.

(5). Các bên không phải ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng đối với trường hợp thay đổi giá hợp đồng, khối lượng và nội dung khác đã được quy định trong hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây.

- Không vượt giá gói thầu ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu; trường hợp dự toán gói thầu được phê duyệt sau khi có kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì không vượt dự toán gói thầu.

- Không vượt thời gian thực hiện gói thầu ghi trong hợp đồng.

- Phương pháp, công thức, hạng mục và các nội dung cần thiết để điều chỉnh đã quy định trong hợp đồng.

Các trường hợp thay đổi giá hợp đồng, khối lượng và các nội dung khác đã được quy định trong hợp đồng mà không phải sửa đổi hợp đồng, không phải ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng bao gồm.

- Điều chỉnh giá hợp đồng do lạm phát, giảm phát đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo kết quả đầu ra (nếu có);

- Tăng, giảm khối lượng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh; đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, việc bổ sung khối lượng thuộc tùy chọn mua thêm áp dụng sửa đổi hợp đồng theo quy định trong trường hợp bổ sung khối lượng, số lượng công việc thuộc tùy chọn mua thêm ngoài khối lượng, số lượng nêu trong hợp đồng.

c) Tăng, giảm thời gian đối với hợp đồng theo thời gian; tăng, giảm chi phí trực tiếp thực hiện đối với hợp đồng chi phí cộng phí; tăng, giảm giá trị cơ sở để tính

phần trăm chi phí đối với hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm; tăng, giảm mức giảm trừ thanh toán, mức tăng giá trị thanh toán đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên.

Trường hợp việc thay đổi các nội dung trên dẫn đến không đáp ứng được một hoặc các điều kiện quy định nêu trên thì phải báo cáo người có thẩm quyền cho phép sửa đổi hợp đồng.

(6). Khi chỉ số giá và các yếu tố khác biến động theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng, chủ đầu tư và nhà thầu có thể xem xét sửa đổi hợp đồng đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Xây dựng bảo đảm phù hợp với quy định về sửa đổi hợp đồng do hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi cơ bản quy định tại pháp luật dân sự.

(7). Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn thuộc dự toán mua sắm áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, trường hợp hết thời gian thực hiện hợp đồng mà khối lượng công việc quy định tại hợp đồng ban đầu chưa được thực hiện hết thì chủ đầu tư có thể báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng nhưng không quá 06 tháng, trừ trường hợp hết thời gian thực hiện hợp đồng mà số lượng dịch vụ kỹ thuật quy định trong hợp đồng chưa được thực hiện hết thì chủ đầu tư có thể báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng nhưng không quá 12 tháng.

6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng; tạm ứng, thanh toán; bảo hành; nghiệm thu, thanh lý hợp đồng

6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Nhà thầu phải thực hiện một trong các biện pháp sau đây để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng.

+ Đặt cọc.

+ Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

+ Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng đối với nhà thầu được lựa chọn, trừ các trường hợp sau đây.

- + Nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.
- + Nhà thầu được lựa chọn theo hình thức tự thực hiện hoặc hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng.
- + Nhà thầu thực hiện gói thầu có giá gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu.
- Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực.
- Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo mức xác định từ 2% đến 10% giá hợp đồng.
- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với trường hợp có quy định về bảo hành. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.
- Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây.
 - + Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực.
 - + Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.
 - + Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

6.2. Tạm ứng hợp đồng

- a. Khái niệm: *Tạm ứng hợp đồng* là khoản kinh phí được ứng trước cho nhà thầu để triển khai thực hiện các công việc theo hợp đồng.
- b. Mức tạm ứng: Tùy theo quy mô, tính chất của gói thầu để xác định mức tạm ứng, phù hợp với quy định của pháp luật (nếu có). Hợp đồng phải quy định về mức tạm ứng, thời điểm tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, thu hồi tạm ứng; trách nhiệm của các bên trong việc quản lý, sử dụng kinh phí tạm ứng; thu giá trị của bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng kinh phí tạm ứng không đúng mục đích.
- c. Trách nhiệm của nhà thầu: Nhà thầu chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả. Nghiêm cấm việc tạm ứng mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

6.3. Thanh toán hợp đồng

6.3.1. Quy định chung về thanh toán hợp đồng:

a- Cơ sở thanh toán cho nhà thầu: Giá hợp đồng và các điều khoản cụ thể về thanh toán được ghi trong hợp đồng là cơ sở để thanh toán cho nhà thầu.

b- Việc thanh toán không căn cứ theo dự toán và các quy định, hướng dẫn hiện hành của Nhà nước về định mức, đơn giá; không căn cứ vào đơn giá trong hóa đơn tài chính đối với các yếu tố đầu vào của nhà thầu, bao gồm vật tư, máy móc, thiết bị và các yếu tố đầu vào khác.

c- Trường hợp một hợp đồng có nhiều loại hợp đồng khác nhau thì áp dụng nguyên tắc thanh toán tương ứng với từng loại hợp đồng.

6.3.2. Thanh toán đối với từng loại hợp đồng

a. Thanh toán đối với loại hợp đồng trọn gói

Việc thanh toán được thực hiện theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với giai đoạn thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng; khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

b. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định

Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở đơn giá cố định trong hợp đồng nhân với khối lượng, số lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện và đã được nghiệm thu tương ứng với các mốc hoàn thành và quy định trong hợp đồng.

c. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở đơn giá hoặc đơn giá đã được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng nhân với khối lượng, số lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện và đã được nghiệm thu tương ứng với các mốc hoàn thành và quy định trong hợp đồng; trường hợp hợp đồng không điều chỉnh đơn giá mà điều chỉnh trượt giá thì giá trị thanh toán được xác định theo giá hợp đồng được điều chỉnh trượt giá theo quy định của hợp đồng.

d. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo thời gian

- Mức thù lao cho chuyên gia: được tính xác định trên cơ sở lương của chuyên gia và các chi phí liên quan đến lương như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y

tế, bảo hiểm thất nghiệp, nghỉ lễ, nghỉ tết, chi phí quản lý của nhà thầu (nếu có) và các chi phí khác được nêu trong hợp đồng hoặc được điều chỉnh theo quy định nhân với thời gian làm việc thực tế (theo tháng, tuần, ngày, giờ) tương ứng với các mốc hoàn thành và quy định trong hợp đồng.

- Đối với các công việc ngoài quy định nêu trên áp dụng đơn giá theo đơn vị thời gian, việc thanh toán căn cứ vào đơn giá nhân với thời gian làm việc, sử dụng thực tế tương ứng với các mốc hoàn thành và quy định trong hợp đồng.

- Các khoản chi phí liên quan (ngoài chi phí lương của chuyên gia, chi phí công việc khác áp dụng đơn giá theo đơn vị thời gian nêu trên) bao gồm: chi phí đi lại, khảo sát, thuê văn phòng làm việc, thông tin liên lạc và các chi phí khác thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng. Đối với mỗi khoản chi phí này, hợp đồng cần quy định rõ phương thức thanh toán như thanh toán theo thực tế dựa vào hóa đơn, chứng từ hợp lệ do nhà thầu xuất trình hoặc thanh toán trên cơ sở đơn giá thỏa thuận trong hợp đồng.

e. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm.

Nguyên tắc thanh toán: Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở tỷ lệ phần trăm ghi trong hợp đồng nhân với giá trị công trình được nghiệm thu và phù hợp với thời hạn bảo hiểm công trình ghi trong hợp đồng.

g. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo kết quả đầu ra.

Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở giá trị công việc thực tế đã được nghiệm thu tương ứng với giai đoạn thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cộng hoặc trừ với mức tăng giá trị thanh toán, mức giảm trừ thanh toán theo quy định trong hợp đồng căn cứ theo kết quả đầu ra.

h. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo chi phí cộng phí.

Việc thanh toán căn cứ vào các chi phí thực tế mà nhà thầu đã bỏ ra để thực hiện hợp đồng, cộng với mức lợi nhuận phù hợp cho nhà thầu trên cơ sở quy định tại hợp đồng.

i. Việc xử lý hồ sơ thanh toán được thực hiện trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhà thầu nộp đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán cho chủ đầu tư.

6.4. Thanh lý hợp đồng

- Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp sau đây.

- + Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
- + Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật.
- Các bên có thể thỏa thuận về việc hợp đồng tự động hết hiệu lực khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc ký kết biên bản thanh lý hợp đồng. Biên bản thanh lý hợp đồng có thể được lập riêng hoặc như một phần của biên bản nghiệm thu đợt cuối cùng hoặc biên bản thống nhất chấm dứt hợp đồng với nội dung phù hợp với trách nhiệm các bên đã quy định trong hợp đồng. Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật và không quá 90 ngày đối với những hợp đồng có quy mô lớn, phức tạp.

VII. BẢO ĐẢM LIÊM CHÍNH TRONG ĐẤU THẦU VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẤU THẦU

1. Quản lý nhà nước về hoạt động lựa chọn nhà thầu

- Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu.
- Tổng kết, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.
- Quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước.
- Giám sát, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị trong đấu thầu và xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.
- Hợp tác quốc tế về đấu thầu.

2. Giải quyết kiến nghị, tranh chấp trong đấu thầu

2.1. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

2.1.1. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

- Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo quy trình giải quyết kiến nghị.

- Nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức chỉ được xem xét, giải quyết kiến nghị khi chưa gửi đơn khiếu nại, tố cáo, khởi kiện. Trường hợp đang trong quá trình giải quyết kiến nghị mà nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức khởi kiện, khiếu nại, tố cáo thì việc giải quyết kiến nghị được chấm dứt ngay.

- Nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức có quyền rút đơn kiến nghị trong quá trình giải quyết kiến nghị.

2.1.2. Điều kiện xem xét, giải quyết kiến nghị

a. Đối với các vấn đề trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, để được xem xét, giải quyết thì đơn kiến nghị phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây.

- Đối với kiến nghị về nội dung hồ sơ mời thầu, đơn kiến nghị có thể là của các cơ quan, tổ chức quan tâm đến gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh; đối với các nội dung khác về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, đơn kiến nghị phải là của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu.

- Đơn kiến nghị phải có chữ ký, đóng dấu (nếu có) của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức gửi đơn hoặc được ký số, gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Đơn kiến nghị được gửi đến đơn vị giải quyết kiến nghị trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

b. Đối với kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, để được xem xét, giải quyết kiến nghị, nhà thầu, nhà đầu tư phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây.

- Đơn kiến nghị là của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu.

- Đơn kiến nghị phải có chữ ký, đóng dấu (nếu có) của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu hoặc được ký số, gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Nội dung kiến nghị chưa được nhà thầu, nhà đầu tư khởi kiện, khiếu nại, tố cáo.

- Nội dung kiến nghị liên quan trực tiếp đến kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà thầu, nhà đầu tư có đơn kiến nghị;

- Chi phí giải quyết kiến nghị được nhà thầu, nhà đầu tư có kiến nghị nộp cho bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị (sau đây gọi là bộ phận thường trực) trước hoặc đồng thời với đơn kiến nghị.

- Nhà thầu phải gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư, người có thẩm quyền trong thời hạn quy định; nhà đầu tư phải gửi đơn kiến nghị đến bên mời thầu, người có thẩm quyền trong thời hạn quy định.

c. Trường hợp kiến nghị của nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức không đáp ứng điều kiện quy định, người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị thông báo bằng văn bản cho nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức về việc không xem xét, giải quyết kiến nghị.

2.1.3. Quy trình giải quyết kiến nghị

1. Việc giải quyết kiến nghị về các vấn đề trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện như sau.

a) Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư trước khi kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức.

c) Trường hợp nhà thầu, cơ quan, tổ chức không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc hết thời hạn quy định nêu trên mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu, cơ quan, tổ chức có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư.

d) Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức.

2. Việc giải quyết kiến nghị sau khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo một trong hai quy trình sau đây.

a) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu.

Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc quá thời hạn quy định mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền thông qua bộ phận thường trực trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến

ngợi hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

b) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền thông qua bộ phận thường trực trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

3. Thời gian giải quyết kiến nghị trước và sau khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu được tính từ ngày bộ phận hành chính của người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị nhận được đơn kiến nghị hoặc ngày gửi đơn kiến nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

4. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị căn cứ đơn kiến nghị của nhà thầu đề nghị người có thẩm quyền xem xét tạm dừng việc ký kết, thực hiện hợp đồng. Trường hợp chấp thuận đề xuất của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, người có thẩm quyền có văn bản thông báo cho chủ đầu tư tạm dừng việc ký kết, thực hiện hợp đồng, trong đó xác định rõ thời gian tạm dừng.

5. Văn bản giải quyết kiến nghị phải có kết luận về nội dung mà nhà thầu kiến nghị; trường hợp kiến nghị được kết luận là đúng thì trong văn bản giải quyết kiến nghị phải nêu rõ biện pháp, cách thức và thời gian để khắc phục hậu quả (nếu có); nhà thầu có kiến nghị được nhận lại chi phí giải quyết kiến nghị đã nộp. Trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là không đúng thì văn bản trả lời phải giải thích rõ lý do; nhà thầu có kiến nghị không được hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị đã nộp.

6. Trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án.

2.1.4. Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị

a. Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị bao gồm:

- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập.

- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương thành lập.

- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành lập.

Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị được thành lập trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu.

b. Thành phần Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị và bộ phận thường trực của Chủ tịch Hội đồng tư vấn được quy định như sau.

- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần thiết) và các thành viên khác là đại diện của người có thẩm quyền, cơ quan có liên quan và có thể có đại diện của hiệp hội nghề nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học.

Thành viên Hội đồng tư vấn không được là người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp với người ký đơn kiến nghị, cá nhân thuộc tổ chuyên gia, tổ thẩm định và người ký phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

- Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập là đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương thành lập là đại diện của đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu thuộc các cơ quan này.

- Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành lập là đại diện của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Bộ phận thường trực của Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị là đơn vị được giao quản lý về hoạt động đấu thầu nhưng không gồm các cá nhân thuộc tổ chuyên gia, tổ thẩm định của gói thầu, dự án. Bộ phận thường trực thực hiện các nhiệm vụ về hành chính do Chủ tịch Hội đồng tư vấn quy định; tiếp nhận và quản lý chi phí do nhà thầu, nhà đầu tư có kiến nghị nộp.

c. Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị có trách nhiệm.

- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập có trách nhiệm tư vấn giải quyết kiến nghị trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ yêu cầu.

- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương thành lập có trách nhiệm tư vấn giải quyết kiến nghị đối với tất cả gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm, dự án đầu tư kinh doanh do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương là người có thẩm quyền hoặc quản lý, trừ gói thầu, dự án thuộc trách nhiệm giải quyết của Hội đồng giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch thành lập.

- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành lập có trách nhiệm tư vấn giải quyết kiến nghị đối với tất cả gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm, dự án đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trừ gói thầu, dự án thuộc trách nhiệm giải quyết của Hội đồng giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương thành lập.

d. Hoạt động của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị hoạt động theo từng vụ việc, làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Thành viên được quyền bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình.

- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà thầu, nhà đầu tư, chủ đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin của gói thầu, dự án, dự án đầu tư kinh doanh và các thông tin liên quan khác để thực hiện nhiệm vụ.

- Kết quả giải quyết kiến nghị được gửi đến người có thẩm quyền trong thời hạn 25 ngày đối với kiến nghị của nhà thầu, 35 ngày đối với kiến nghị của nhà đầu tư kể từ ngày Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị được thành lập.

2.2. Quyền khởi kiện và yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

- Việc khởi kiện ra Tòa án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Khi nộp đơn khởi kiện hoặc trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, các bên có quyền yêu cầu Tòa án tạm dừng việc đóng thầu; phê duyệt danh sách ngắn; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; ký kết hợp đồng; thực hiện hợp đồng và các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác theo quy định của pháp luật.

3. Xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu

3.1. Quy định chung xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu

- Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 05 năm.

- Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu phải được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và cơ quan, tổ chức có liên quan; đồng thời gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và phải đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3.2. Hình thức cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu

3.2.1. Các hành vi bị cấm trong đấu thầu

a. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

b. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.

c. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây.

- Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu hoặc rút hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu.

- Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu.

- Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

d. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây.

- Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu.

- Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

đ. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây.

- Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

- Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu.

- Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu.

- Có tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu.

- Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

e. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây.

- Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định;

- Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu.

- Tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu.

- Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu.

- Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng.

- Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó.

- Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát.

- Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Nêu điều kiện trong hồ sơ mời thầu nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

- Chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự án, dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

g. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, bao gồm.

- Nội dung hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;

- Nội dung hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trước khi được công khai theo quy định.

- Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định.

- Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

h. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây.

- Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng.

- Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận.

- Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc.

- Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

i. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi chưa xác định được nguồn vốn.

3.2.2. Hình thức cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu

Tùy theo mức độ vi phạm mà áp dụng hình thức cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tổ chức, cá nhân, cụ thể như sau.

a. Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm sau.

- Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.

- Gian lận trong đấu thầu.

- Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu hoặc rút hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu.

b. Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 01 năm đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm sau.

- Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu.

- Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

- Cản trở trong đấu thầu.
 - Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát.
 - Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.
 - Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.
 - Nêu điều kiện trong hồ sơ mời thầu nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.
 - Chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự án, dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu;
 - Chuyển nhượng thầu.
 - Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi chưa xác định được nguồn vốn.
- c. Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm sau.*
- Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định.
 - Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu.
 - Tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu.
 - Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu.

- Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng.

- Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án, dự án đầu tư kinh doanh do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó.

- Đối với nhà thầu liên danh, việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu áp dụng với tất cả thành viên liên danh khi một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu, trừ trường hợp thành viên liên danh vi phạm một trong các quy định sau thì chỉ cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với thành viên đó mà không cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các thành viên còn lại.

+ Cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

+ Gian lận trong đấu thầu.

+ Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu.

+ Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu.

+ Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu.

+ Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

+ Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định.

+ Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu.

+ Tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu.

+ Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

+ Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng.

+ Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó.

+ Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát.

+ Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu.

+ Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng.

+ Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận.

d. Trường hợp tổ chức, cá nhân có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thuộc cùng phạm vi quản lý của người có thẩm quyền và các hành vi này chưa bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu thì người có thẩm quyền ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu với thời gian cấm được xác định bằng tổng thời gian cấm của các hành vi vi phạm nhưng tối đa không quá 05 năm.

đ. Thời hiệu áp dụng biện pháp cấm tham gia hoạt động đấu thầu là 10 năm tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm.

3.2.3. Thẩm quyền quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu được quy định như sau.

a) Người có thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án, dự toán mua sắm trong phạm vi quản lý của mình.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương.

c) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ và trên phạm vi toàn quốc.

4. Hủy, đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu

4.1. Hủy thầu

Các trường hợp hủy thầu đối với lựa chọn nhà thầu bao gồm.

a) Tất cả hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

c) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu.

d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu.

đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

4.2. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu

- Khi có bằng chứng tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu có hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu hoặc hành vi vi phạm quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến không bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì người có thẩm quyền thực hiện một hoặc một số biện pháp sau đây.

+ Đình chỉ cuộc thầu để tạm dừng các hoạt động lựa chọn nhà thầu nhằm khắc phục ngay vi phạm đã xảy ra. Đình chỉ cuộc thầu được thực hiện trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu cho đến trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

+ Không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và quá trình thực hiện hợp đồng.

+ Xử lý vi phạm trong đấu thầu.

- Văn bản đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do, nội dung, biện pháp và thời gian khắc phục vi phạm về đấu thầu.

5. Thanh tra, kiểm tra và giám sát các hoạt động đấu thầu

5.1. Thanh tra hoạt động đấu thầu

- Thanh tra hoạt động đấu thầu được tiến hành đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đấu thầu quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Tổ chức và hoạt động của thanh tra về đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

5.2. Kiểm tra hoạt động đấu thầu

- Kiểm tra hoạt động đấu thầu được thực hiện theo kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất theo quyết định của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

- Kiểm tra hoạt động đấu thầu được thực hiện đối với một hoặc các hoạt động sau: việc ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu; việc trình, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; công tác chuẩn bị lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; việc quản lý và thực hiện hợp đồng; các hoạt động khác liên quan đến hoạt động đấu thầu.

- Kiểm tra hoạt động đấu thầu được thực hiện theo phương thức kiểm tra trực tiếp hoặc qua báo cáo bằng văn bản.

- Trình tự, thủ tục kiểm tra: chuẩn bị kiểm tra; tổ chức kiểm tra; kết luận kiểm tra; theo dõi thực hiện kết luận kiểm tra.

5.3. Giám sát hoạt động đấu thầu

- Người có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thực hiện công tác giám sát hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư, bên mời thầu nhằm bảo đảm quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và pháp luật có liên quan.

- Hoạt động đấu thầu được giám sát bởi cộng đồng. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức việc giám sát hoạt động đấu thầu của cộng đồng.

- Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc Bộ, ngành, địa phương thực hiện việc giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với các gói thầu thuộc dự án, dự án đầu tư kinh doanh, dự toán mua sắm trên địa bàn, lĩnh vực quản lý.

- Người có thẩm quyền thực hiện việc giám sát hoạt động đấu thầu đối với các dự án, dự án đầu tư kinh doanh, dự toán mua sắm thuộc phạm vi quản lý.

- Giám sát hoạt động đấu thầu được thực hiện đối với một hoặc các nội dung sau: hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

- Trình tự, thủ tục giám sát hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền: chuẩn bị giám sát; thực hiện giám sát; báo cáo kết quả giám sát.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;
2. Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
3. Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
4. Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.